

**PHỤ LỤC II. DANH MỤC KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH CHƯA ĐƯỢC CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ  
THỐNG NHẤT VỚI NỘI DUNG KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH**

*(Kèm theo Báo cáo số 207/BC-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tư pháp)*

**Tổng số: 55 nội dung kiến nghị, phản ánh đối với 25 văn bản (06 Luật; 12 Nghị định; 07 Thông tư)**

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	<p>- Điều 22 <b>Luật Trí tuệ nhân tạo</b> thành lập Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia để tài trợ nghiên cứu, phát triển AI</p> <p>- Điều 64 <b>Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới</b> sáng tạo quy định về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia</p>	<p>Trí tuệ nhân tạo thực chất là một công nghệ lõi của khoa học và công nghệ. Việc thành lập riêng một Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo trong khi đã có Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia là sự phân tán tài chính không cần thiết. Doanh nghiệp làm AI có thể sẽ bị "đẩy" qua lại giữa các quỹ này khi xin tài trợ.</p>	<p>Tích hợp Quỹ phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia vào Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia để tập trung nguồn lực.</p>	<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Tập đoàn VNPT</i></p>	<p>Ý kiến cho rằng việc thành lập riêng Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia là phân tán nguồn lực tài chính là chưa phù hợp. Trước hết, Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia đã được luật hóa trực tiếp tại Điều 22 Luật Trí tuệ nhân tạo với tư cách là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì lợi nhuận, do Chính phủ thành lập để huy động, điều phối và phân bổ nguồn lực thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và quản lý trí tuệ nhân tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Luật cũng xác định rõ 05 nhóm nhiệm vụ ưu tiên của Quỹ, gồm: phát triển hạ tầng trí tuệ nhân tạo; nghiên cứu, phát triển và làm chủ công nghệ trí tuệ</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					<p>nhân tạo cốt lõi; phát triển doanh nghiệp trí tuệ nhân tạo; đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực trí tuệ nhân tạo; và các nhiệm vụ đầu tư, hỗ trợ khác phục vụ mục tiêu phát triển trí tuệ nhân tạo do Chính phủ quy định. Như vậy, Quỹ AI không chỉ hướng tới một công nghệ đơn lẻ, mà là công cụ chính sách chuyên biệt để phát triển đồng bộ năng lực quốc gia về AI, từ hạ tầng, công nghệ lõi đến doanh nghiệp và nhân lực.</p> <p>Việc doanh nghiệp có được Quỹ tiếp nhận để tài trợ, hỗ trợ hoặc đầu tư hay không phải được xem xét trên cơ sở mức độ phù hợp của đề xuất với mục tiêu của Quỹ, hiệu quả kỳ vọng, tính khả thi và mức độ rủi ro của dự án; không thể chỉ căn cứ vào việc nội dung đề xuất có giao thoa nhất định với phạm vi hỗ trợ của các quỹ tài chính nhà nước khác. Về mặt thiết kế chính sách, mỗi quỹ được thành lập để thực hiện một mục tiêu quản lý nhà nước và một công cụ chính sách nhất định; vì vậy, việc có một mức độ giao thoa nhất định về đối tượng hoặc lĩnh</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					vực hỗ trợ là khó tránh khỏi. Vấn đề cốt lõi không phải là tạo ra ranh giới tuyệt đối giữa các quỹ, mà là bảo đảm cơ chế phối hợp, phân định đầu mối xem xét và không bố trí hỗ trợ trùng lặp cho cùng một nội dung chi. Chính Luật Trí tuệ nhân tạo cũng quy định Quỹ phải hoạt động theo nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng mục đích và “bảo đảm phối hợp, không trùng lặp với các quỹ tài chính nhà nước khác”. Đồng thời, Luật đã thiết kế Cổng thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo để kết nối các chương trình hỗ trợ, quỹ, hạ tầng và dữ liệu dùng chung, qua đó góp phần giảm chi phí tìm kiếm thông tin và hạn chế tình trạng doanh nghiệp bị chuyển qua lại giữa các đầu mối hỗ trợ.
2.	<b><i>Luật Chuyển đổi số</i></b>	Về cơ chế mua sắm khoa học công nghệ: chưa có quy định khi mua sắm các dịch vụ phần mềm, AI, dữ liệu thì được ưu tiên thực hiện quy trình ngắn gọn hơn quy trình mua sắm tài sản thông		- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i>	Việc mua sắm các phần mềm, thiết bị công nghệ số thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Chuyển đổi số, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hiện nay, Luật Công nghiệp công nghệ số đã bổ sung thêm cơ chế mua sắm ưu đãi

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>thường như quy định hiện hành của Luật Đấu thầu. Việc mua sắm các dịch vụ phần mềm, AI, dữ liệu hiện vẫn phải tuân thủ Luật Đấu thầu, gây mất từ 3 đến 6 tháng trong khi công nghệ thay đổi rất nhanh.</p> <p>Kiến nghị: Cho phép đặt hàng trực tiếp hoặc đàm phán đối với các sản phẩm trí tuệ, phần mềm, dịch vụ số và chuyển giao nghiên cứu giữa các doanh nghiệp Nhà nước trong cùng chuỗi giá trị.</p>		- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin</i>	gồm có: chỉ định thầu, lựa chọn đặc biệt và cơ chế đặt hàng tại Điều 31. Các cơ chế mới này dự kiến sẽ rút ngắn thời gian mua sắm so với quy định trước đây. Tuy nhiên, văn bản vừa có hiệu lực từ 01/01/2026 nên chưa có đánh giá cụ thể về thời gian được cắt giảm so với việc mua sắm trước đây. Để triển khai quy định này, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã ban hành danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm theo Thông tư số 31/2025/TT-BKHCN ngày 14/11/2025 để xác định cụ thể những đối tượng được áp dụng cơ chế này. Đối với những trực hợp không được ưu đãi, việc mua sắm phải theo quy định chung để bảo đảm công khai, minh bạch, tránh thất thoát, lãng phí.
3.	<b>Điều 9 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</b>	Về áp lực bảo toàn vốn Nhà nước làm giảm mức độ chấp nhận rủi ro: Điều 9 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 đã có quy định về chấp nhận rủi ro nhưng mới chỉ mang tính		- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học</i>	<p><i>Về rủi ro:</i></p> <p>Không nhất trí hoàn toàn với kiến nghị liên quan đến “rủi ro”. Lý do: Để cụ thể hóa quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Nghị định số 267/2025/NĐ-CP đã quy định các tiêu chí xác định rủi ro</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		nguyên tắc, định hướng và giao Chính phủ quy định tiêu chí xác định rủi ro được chấp nhận, quy trình đánh giá việc tuân thủ quy trình, quy định trong phê duyệt, quản lý, thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, hiện Chính phủ chưa có quy định cụ thể như: Xác định tiêu chí rủi ro khách quan, trình tự xác nhận rủi ro, cơ chế miễn/giới hạn trách nhiệm cũng như cơ chế bảo vệ người ra quyết định trong doanh nghiệp Nhà nước. Điều này tạo ra áp lực lớn do Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp vẫn quy định nghiêm ngặt trách nhiệm của người đứng đầu trong việc bảo toàn và phát triển vốn. Hệ quả là		và Công nghệ, Bộ Tài chính. - Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin	được chấp nhận, cụ thể hóa các loại hình rủi ro trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó bao hàm cả rủi ro khách quan nêu tại kiến nghị. Cụ thể: 1. Về phân loại tiêu chí xác định rủi ro được chấp nhận - Điều 35 quy định về chung về các loại rủi ro do dẫn đến thiệt hại cho nhà nước được chấp nhận trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được chấp nhận. - Điều 36 quy định về rủi ro dẫn đến kết quả không đạt mục tiêu đề ra được chấp nhận trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước. Trong đó phân loại rủi ro được chấp nhận gồm: 1. Rủi ro do bản chất của vấn đề nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo; 2. Rủi ro từ môi trường bên ngoài (khách quan) - Điều 39 quy định quản trị rủi ro trong việc xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, các Điều 37, 38 đã

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>làm giảm mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp khi triển khai các dự án khoa học công nghệ hay thử nghiệm công nghệ mới.</p> <p>- Tồn tại, vướng mắc:</p> <p>+ Áp lực bảo toàn vốn làm giảm mức độ chấp nhận rủi ro: Doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm bảo toàn vốn nghiêm ngặt trong khi hoạt động khoa học và công nghệ có tính rủi ro cao. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa có tiêu chí cụ thể xác định "rủi ro khách quan", trình tự xác nhận rủi ro hay cơ chế bảo vệ người quyết định đầu tư.</p> <p>+ Cơ chế tài chính nặng về kiểm soát đầu vào: doanh nghiệp nhà nước phải tuân thủ chặt chẽ quy định về hóa đơn, chứng từ, làm giảm tính chủ động. Cơ chế khoán chi</p>			<p>quy định về trách nhiệm quản trị rủi ro của tổ chức chủ trì và cơ quan quản lý trong quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p> <p>2. Về trình tự xác định rủi ro trong quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Nghị định số 267/2025/NĐ-CP đã có quy định: - Khoản 1, Điều 11: Tổ chức chủ trì phải xác định các loại hình rủi ro có thể phát sinh và đề xuất phương án quản trị rủi ro phù hợp; Hội đồng khoa học xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ có trách nhiệm đánh giá nội dung này. - Điều 16, 17 về đánh giá trong kỳ, đánh giá cuối kỳ: đã có quy định đối với việc thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình triển khai nhiệm vụ (bao gồm cả việc tuân thủ phương án quản trị rủi ro đã đề xuất).</p> <p>3. Về cơ chế miễn/giới hạn trách nhiệm cũng như cơ chế bảo vệ người ra quyết định Điểm a và c khoản 3 Điều 9 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã quy định về việc tổ chức, cá</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>chưa thực chất, cơ quan tài chính vẫn nặng về kiểm soát chứng từ hơn là đánh giá kết quả cuối cùng.</p> <p>+ Bất cập về thù lao: Thu nhập nghiên cứu bị khống chế bởi Bộ luật Lao động (tính như giờ làm thêm), không khuyến khích được chuyên gia.</p> <p><b>Phương án</b></p> <p>+ Cụ thể hóa quy định về miễn trách nhiệm tài chính cho rủi ro khách quan và áp dụng khoán chi toàn phần.</p> <p>+ Cho phép trả thù lao chuyên gia theo giá thị trường và hợp đồng linh hoạt.</p>			<p>nhân thực hiện nghiên cứu khóa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được loại trừ trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước nếu đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định trong quá trình triển khai thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và không có hành vi gian lận, cố ý vi phạm pháp luật, không sử dụng sai mục tiêu, phạm vi kinh phí.</p> <p>Tổ chức, cá nhân phê duyệt và quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước, kinh phí hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc kinh phí của doanh nghiệp nhà nước được loại trừ trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm dân sự nếu đã tuân thủ đầy đủ quy định, quy trình về phê duyệt, quản lý nhiệm vụ và không có hành vi vi phạm pháp luật nhưng kết quả của nhiệm vụ không đạt được mục tiêu đề ra;</p> <p><i>Về thù lao:</i></p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					<p>Khoản 7 Điều 2 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN quy định: Tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ là đơn vị dùng để xác định mức thù lao cho từng chức danh hoặc nhóm chức danh tham gia thực hiện các nội dung nghiên cứu/kết quả công việc của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện và trách nhiệm của chức danh hoặc nhóm chức danh đối với nội dung nghiên cứu/kết quả công việc của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, không gắn với thời gian theo tháng dương lịch. Như vậy, không bị không chế theo quy định của Bộ luật Lao động.</p> <p>Về hóa đơn chứng từ sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ: khoản 1 Điều 14 Nghị định 265/2025/NĐ-CP quy định: “1. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Các</p>



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					<p><i>khoản chi từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp theo các nội dung quy định tại Điều 13 của Nghị định này, phải có chứng từ theo quy định của quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ, tự kê khai và tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của chứng từ.”</i></p> <p>Do vậy, doanh nghiệp cần xây dựng quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.</p>
4.	<p>Khoản 4 Điều 13 <b><i>Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i></b> và khoản 1 Điều 7 <b><i>Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN</i></b> ngày 26/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng,</p>	<p>Khoản 4 Điều 13 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 quy định: “<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương</i>”.</p> <p>Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN</p>	<p>Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL.</p>	<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>UBND thành phố Huế</i></p>	<p>Về thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, việc phân cấp, ủy quyền hoạt động này thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (khoản 13 Điều 3 Nghị định số 267/2026/NĐ-CP).</p> <p>Như vậy, nội dung này không cần phải hướng dẫn do thẩm quyền thuộc về UBND cấp tỉnh.</p> <p>Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Tổ chức Chính phủ và các Nghị định hướng dẫn, Bộ trưởng Bộ</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	ngày 26/11/2025 quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định: “ <i>Theo yêu cầu quản lý, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động phân cấp cho cơ quan, tổ chức trực thuộc để quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của Luật Tổ chức chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.</i> ”.			Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN ngày 27/6/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>Để thống nhất trong việc quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương, đề nghị:</p> <p><i>- Hướng dẫn cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định mới tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</i></p>			
5.	Điều 22 <b><i>Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i></b>	<p>Điều 22. Miễn, loại trừ trách nhiệm trong hoạt động thử nghiệm có kiểm soát</p> <p>Chưa rõ các tiêu chí miễn trừ trách nhiệm dân sự/hình sự tại Điều 22 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có được áp dụng đương nhiên cho cơ chế thử nghiệm</p>	<p>Đề nghị quy định trong Nghị định hướng dẫn Luật Trí tuệ nhân tạo nội dung về miễn trừ trách nhiệm dân sự/hình sự tương tự quy</p>	<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ.</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/</p>	<p>Quy định tại Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo đã đưa tiêu chí cụ thể, không phân biệt theo loại công nghệ, vì vậy, đã bao gồm cả những công nghệ về trí tuệ nhân tạo nếu đáp ứng đủ các tiêu chí. Luật Trí tuệ nhân tạo không có quy định khác, vì vậy, việc miễn trừ áp dụng theo Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		có kiểm soát trong Luật Trí tuệ nhân tạo hay không.	định về miễn trừ trách nhiệm tại Điều 22 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi thực hiện thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực này.	phản ánh: <i>Tập đoàn VNPT</i>	
6.	Điểm d khoản 2 Điều 66 của <b><i>Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i></b>	Về giới hạn quỹ khoa học công nghệ cho Startup: Điểm d khoản 2 Điều 66 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định giới hạn chi 5% thu nhập tính thuế hàng năm từ Quỹ Khoa học công nghệ cho đầu tư khởi nghiệp sáng tạo có thể là mức cao đối với các doanh nghiệp lớn, nhưng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa thì tỷ lệ này không cao.		- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài chính</i> - Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin</i>	Điểm d khoản 2 Điều 66 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định: “ <i>Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp chỉ được sử dụng tối đa 5% thu nhập tính thuế hàng năm cho nội dung quy định tại điểm này</i> ” Khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định: “ <i>1. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.</i> ”

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Kiến nghị: Nâng mức tối đa quy định hoặc cho phép tính theo phần trăm vốn chủ sở hữu, đồng thời cho phép tích lũy qua nhiều năm thay vì giới hạn cứng để các tập đoàn có thể đầu tư mạnh hơn cho đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.			<p>2. Trong thời hạn 05 năm kể từ khi trích lập theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích thì doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.”</p> <p>Như vậy, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp đã có hành lang pháp lý để doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp thực hiện mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạn chế rủi ro, thất thoát ngân sách của nhà nước thông qua thuế.</p> <p>Quy định tại điểm d khoản 2 Điều 66 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					mới sáng tạo nhằm kiểm soát rủi ro khi sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp cho hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, đồng thời bảo đảm quỹ chủ yếu phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ của doanh nghiệp. Do đó, việc quy định mức trần chi là cần thiết.
7.	Khoản 2 Điều 31 của <b><i>Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i></b> và điểm đ khoản 1 Điều 13 <b><i>Nghị định 265/2025/NĐ-CP</i></b> ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư	Về cơ chế đặc biệt trong giải mã công nghệ: Theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thì điều kiện để doanh nghiệp Nhà nước được áp dụng cơ chế đặc biệt (đảm		- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Cơ quan kiến nghị/phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin</i>	Việc Luật đặt điều kiện chặt chẽ cũng có mục tiêu chính sách rõ ràng: bảo đảm kiểm soát vốn, tài sản nhà nước; hạn chế rủi ro trong các thương vụ M&A công nghệ (thường giá trị lớn và khó định giá); tránh việc doanh nghiệp nhà nước tự ý đầu tư công nghệ ngoài chiến lược quốc gia. Vì vậy: Mở rộng áp dụng cơ chế đặc biệt cho “hầu hết các hoạt động” có thể làm suy giảm cơ chế kiểm soát vốn nhà nước. Kiến nghị có lý về nhu cầu rút ngắn thủ tục, nhưng chưa hợp lý nếu mở rộng quá rộng phạm vi áp dụng. Điều 26 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định về trình tự xây dựng, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt;

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	phán mua lại, sáp nhập doanh nghiệp) còn phức tạp. Cụ thể, yêu cầu dự án phải được Thủ tướng hoặc Bộ chủ quản giao, có phương án đầu tư rõ ràng và phải có ý kiến thống nhất của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trình tự này mất nhiều tháng, gây lỡ cơ hội trong các thương vụ đàm phán mua lại, sáp nhập doanh nghiệp công nghệ cao vốn đòi hỏi quyết định nhanh. Kiến nghị: Mở rộng áp dụng cơ chế đặc biệt cho hầu hết các hoạt động giải mã, mua bí quyết công nghệ phù hợp với chiến lược đã được phê duyệt của doanh nghiệp, không chỉ giới hạn ở các dự án trọng điểm.			chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt; Điều 28 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định về Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược. Quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị định 265/2025/NĐ-CP bảo đảm phù hợp, thống nhất với các quy định có liên quan tại Nghị định 267/2025/NĐ-CP. Đề xuất mở rộng cơ chế đặc biệt cho hầu hết các hoạt động giải mã công nghệ chưa phù hợp với phạm vi quy định của khoản 2 Điều 31 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và có thể làm giảm cơ chế kiểm soát vốn nhà nước. Do đó, chưa có cơ sở tiếp thu theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng
8.	Khoản 1 Điều 73 <b><i>Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i></b>	Tại khoản 1 Điều 73 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 quy định: “1.	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử	Theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thì việc phê duyệt nhiệm vụ đã được nộp đề xuất trước ngày 01/10/2025



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	quy định: “1. Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến ngày 01 tháng 10 năm 2025 chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ thì trình tự, thủ tục xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tiếp tục thực hiện theo quy định	Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến ngày 01 tháng 10 năm 2025 chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ thì trình tự, thủ tục xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13”. Theo quy định này, việc phê duyệt nhiệm vụ KHCN trước ngày 01/10/2025 thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	lý, tham mưu xử lý: Bộ Khoa học và Công nghệ - Cơ quan kiến nghị/phản ánh: UBND tỉnh Quảng Ninh	thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nhiệm vụ. Đồng thời, khoản 1 Điều 56 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP cũng quy định tiếp tục thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ (chính là Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13, thay vì là Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo). Vì vậy, thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ vẫn là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Như vậy, không hề có sự xung đột giữa hai văn bản này. Theo đó, việc phân cấp, ủy quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><u>của Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13</u> và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13”;</p> <p>Khoản 1 Điều 56 <b>Nghị định 267/2025/NĐ-CP</b> quy định: “1. Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến ngày 01 tháng 10 năm 2025 chưa được</p>	<p>Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 56 Nghị định 267/2025/NĐ-CP quy định: “1. Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến ngày 01 tháng 10 năm 2025 chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thì trình tự, thủ tục xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ <u>được tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ</u> và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và công nghệ.”.</p> <p>Đồng thời, tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định:</p>			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thì trình tự, thủ tục xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được <u>tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và công nghệ.</u></p> <p>- Khoản 1 Điều 15 <b>Nghị định số 267/2025/NĐ-CP</b> quy định: “Trong thời gian 10 ngày</p>	<p>“Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, <u>cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện ký hợp đồng giao nhiệm vụ với tổ chức chủ trì</u>”. Như vậy, căn cứ các quy định này, việc phê duyệt nhiệm vụ khoa học công nghệ thuộc thẩm quyền của Sở Khoa học và Công nghệ.</p> <p>Việc mâu thuẫn về thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học công nghệ nêu trên dẫn đến việc thực hiện ký hợp đồng đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ phê duyệt sau ngày 1/10/2025 gặp khó khăn, vì đa số việc ký hợp đồng ở địa phương đều do Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện theo quy định về phân cấp hoặc uỷ quyền</p>			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>kể từ ngày có quyết định phê duyệt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện ký hợp đồng giao nhiệm vụ với tổ chức chủ trì”.</i>	của UBND tỉnh cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BKHCN. Để được phân cấp/ủy quyền, cần tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản phân cấp theo trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Điều này dẫn đến không đảm bảo về thời hạn ký hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học công nghệ ( <i>trong thời gian 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i> ). Trường hợp nếu không được phân cấp/ủy quyền thì UBND tỉnh triển khai ký hợp đồng không khả thi, do nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ đang được giao về Sở Khoa học và Công nghệ. Dẫn đến tình trạng nhiều nhiệm vụ khoa			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		học công nghệ được phê duyệt nhưng chưa đủ căn cứ pháp lý để ký hợp đồng thực hiện.			
9.	<b><i>Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Luật Công nghệ thông tin.</i></b>	<p>Luật Công nghệ thông tin số 67/20026/QH11 có điểm lạc hậu so với yêu cầu chuyển đổi số, chưa đồng bộ với các quy định mới của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p> <p>1. Chưa có khái niệm về "Đổi mới sáng tạo" và "Khởi nghiệp sáng tạo":</p> <p>- <i>Luật Công nghệ thông tin</i>: Chỉ tập trung vào các khái niệm truyền thống như "Ứng dụng công nghệ thông tin" (Điều 4, khoản 5) và "Phát triển công nghệ thông tin" (Điều 4, khoản 6). Các định nghĩa này chủ yếu xoay quanh quá trình sản xuất, thiết lập hạ tầng và dịch vụ số.</p> <p>- <i>Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>: Đã luật hóa khái niệm "Đổi mới sáng</p>	<p>Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 có nhiều điểm lạc hậu so với yêu cầu chuyển đổi số, chưa đồng bộ với các quy định mới của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.</p> <p>Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Công nghệ thông tin theo hướng thống nhất và đồng bộ với Luật Khoa học, công nghệ</p>	<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>UBND thành phố Hà Nội</i></p>	<p>Luật Công nghệ thông tin năm 2006 sẽ hết hiệu lực từ 01/7/2026 do đã có văn bản thay thế là Luật Chuyển đổi số. Quy định tại Luật Chuyển đổi số đã đồng bộ với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>tạo" (Điều 3, khoản 3) và "Khởi nghiệp sáng tạo" (Điều 3, khoản 11). Đây là những khái niệm hiện đại, tập trung vào việc tạo ra các mô hình kinh doanh mới và giá trị mới, thay vì chỉ dừng lại ở việc ứng dụng kỹ thuật đơn thuần.</p> <p>2. Thiếu cơ chế "Chấp nhận rủi ro" trong nghiên cứu và phát triển:</p> <p>- <i>Luật Công nghệ thông tin</i>: Quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu phải bảo đảm tính trung thực của kết quả (Điều 9, khoản 3) nhưng không có quy định về việc bảo vệ nhà khoa học trước các thất bại khách quan.</p> <p>- <i>Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>: Tại Điều 9, Luật này quy định rõ về việc "Chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Điều này cho</p>	và đổi mới sáng tạo.		

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>phép miễn trách nhiệm hành chính hoặc dân sự nếu tổ chức, cá nhân đã tuân thủ đúng quy trình nhưng kết quả không đạt được mục tiêu đề ra, nhằm khuyến khích sự đột phá.</p> <p>3. Chưa có cơ chế "Thử nghiệm có kiểm soát" (Sandbox)</p> <p>- Luật Công nghệ thông tin: Các quy định về quản lý chất lượng, tiêu chuẩn và dịch vụ công nghệ thông tin (Điều 41) vẫn dựa trên các hình thức kiểm định truyền thống.</p> <p>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: quy định cơ chế "Thử nghiệm có kiểm soát" (Điều 21) đối với các công nghệ, giải pháp và mô hình kinh doanh mới mà pháp luật chưa có quy định. Đây là bước tiến lớn giúp các công nghệ công nghệ thông tin mới</p>			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>(như AI, Blockchain) có không gian để phát triển.</p> <p>4. Từ "Số hóa" đến "Chuyển đổi số" toàn diện</p> <p>- <i>Luật Công nghệ thông tin</i>: Chỉ dừng lại ở khái niệm "Số hóa" - biến đổi các loại hình thông tin sang thông tin số (Điều 4, khoản 18).</p> <p>- <i>Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>: Đã chuyển dịch sang khái niệm "Chuyển đổi số" toàn diện (Điều 20), bao gồm việc thay đổi quy trình nghiệp vụ, mô hình quản trị và nâng cao tính minh bạch thông qua các nền tảng số quốc gia.</p> <p>5. Cơ chế tài chính và đầu tư:</p> <p>- <i>Luật Công nghệ thông tin</i>: Quy định Nhà nước "ưu tiên dành một khoản ngân sách" cho ứng dụng công nghệ thông tin (Điều 5, khoản 4) một cách chung chung.</p>			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		- <i>Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i> : Quy định cụ thể tỷ lệ tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và mục tiêu tăng dần theo yêu cầu phát triển (Điều 61, khoản 1). Luật mới cũng cho phép trích lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp với các điều khoản chi tiêu linh hoạt hơn, bao gồm cả đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo (Điều 66)			
10.	Khoản 17 Điều 4 <b><i>Luật Thuế thu nhập cá nhân</i></b>	Chưa nêu rõ nhiệm vụ khoa học công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước có được hưởng ưu đãi không.	Hướng dẫn thủ tục để hưởng các ưu đãi dành cho triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước.	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Tài chính</i> - Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Tập đoàn VNPT</i>	<i>Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 (khoản 17 Điều 4) quy định miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</i>  Căn cứ quy định nêu trên, Luật quy định miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, không phân biệt nhiệm



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					<p>vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và không sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>Hiện nay Bộ Tài chính đang xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, trong đó dự kiến quy định: <i>Việc xác định nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm căn cứ miễn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</i></p> <p>Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công, cơ quan chi trả thu nhập khấu trừ thuế trước khi chi trả thu nhập này cho người nộp thuế, do vậy, pháp luật thuế không quy định thủ tục riêng đối với ưu đãi thuế dành cho triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước hay không sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>Do đó, phương án xử lý như đề xuất là đề nghị hướng dẫn thủ tục ưu đãi riêng đối với trường hợp này là chưa phù hợp.</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					Nội dung phản ánh đã được quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân, việc xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.
11.	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ có hướng dẫn chi tiết quy định của Luật Ban hành văn bản pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành về “ <i>đánh giá tác động việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</i> ”, và “Sở Khoa học và Công nghệ tham gia ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của địa phương	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp</i></li> <li>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh (nếu có): <i>UBND thành phố Hải phòng</i></li> </ul>	Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) quy định thành phần hồ sơ xây dựng văn bản gồm: Bản đánh giá việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có); Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tại mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP đã hướng dẫn đánh giá tác động như sau: 3. <i>Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu trong dự thảo văn bản có quy định về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa</i>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					<p>học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số)</p> <p>Đánh giá các quy định trong dự thảo văn bản tạo thuận lợi cho việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Yêu cầu về thể chế, hạ tầng, nhân lực, đổi mới sáng tạo, an toàn thông tin; nội dung ứng dụng, thúc đẩy, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai thi hành các quy định về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong thực tiễn; cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện; nguồn lực thực hiện.</p> <p>Tuy nhiên, trong thời gian tới Bộ KH&amp;CN sẽ nghiên cứu việc hướng dẫn thi hành về “đánh giá tác động việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”</p>
12.	Điều 9 <b>Nghị định số 88/2025/NĐ-CP</b> ngày 13/4/2025 của	Điều 9 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 13/4/2025 quy định khá cụ thể về cơ chế thương	Ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử	Mặc dù Điều 9 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP đã bị bãi bỏ nhưng quy định về cơ chế thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	<p>mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Nhưng quy định này bị bãi bỏ bởi khoản 3 Điều 55 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 14/10/2025.</p> <p>Các cơ quan, tổ chức đang quy định “quy chế nội bộ, hợp đồng mẫu” theo Nghị định số 88/2025/NĐ-CP có thể phải thay đổi trong thời gian ngắn, làm tăng chi phí tuân thủ và kéo dài tiến độ thương mại hóa.</p>		<p>lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/phản ánh: <i>UBND thành phố Huế</i></p>	được thu hút vào Chương IV Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.
13.	Điều 11 <b>Nghị định số 111/2015/NĐ-CP</b> ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 205/2025/NĐ-	Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ hiện vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các chính sách ưu đãi của Nhà nước. Mặc dù Nghị định số 111/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 205/2025/NĐ-CP) đã quy định tương đối rõ		<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Công Thương</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/phản ánh: <i>Bộ Tư pháp</i></p>	Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ là văn bản quy phạm pháp luật chuyên biệt nhằm đẩy mạnh các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ, chứ không phải là Nghị định quy định

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	CP): nội dung kiến nghị: Đã có quy định tương đối rõ về khái niệm “công nghiệp hỗ trợ” cũng như các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ, song trên thực tế việc xác định và chứng minh doanh nghiệp thuộc lĩnh vực này vẫn còn nhiều vướng mắc, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật.	<p>về khái niệm “công nghiệp hỗ trợ” cũng như các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ, song trên thực tế việc xác định và chứng minh doanh nghiệp thuộc lĩnh vực này vẫn còn nhiều vướng mắc.</p> <p>Nhiều doanh nghiệp sản xuất linh kiện, phụ tùng tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, thậm chí có giá trị xuất khẩu hàng phụ trợ lên tới hàng chục triệu USD mỗi năm, nhưng khi làm hồ sơ xin hưởng các chính sách ưu đãi lại gặp khó khăn trong việc chứng minh sản phẩm của mình thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển hoặc chứng minh doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Điều này dẫn đến tình trạng doanh</p>		<i>tổng hợp từ các nguồn thông tin</i>	<p>chuyên biệt về thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.</p> <p>Nghị định đã quy định cụ thể định nghĩa về ngành công nghiệp hỗ trợ tại điểm a khoản 1 Điều 1 “Công nghiệp hỗ trợ là các ngành công nghiệp sản xuất, gia công nguyên liệu, phụ liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh” và các cơ chế chính sách hỗ trợ (xúc tiến thu hút đầu tư, tư vấn cải tiến, phát triển nguồn nhân lực, cơ sở dữ liệu, ... và ưu đãi (miễn, giảm thuế, tiền thuê đất mặt nước, ... ưu đãi khác theo quy định của pháp luật hiện hành).</p> <p>Để tháo gỡ khó khăn trong việc tiếp cận chính sách, Nghị định đã quy định rõ ràng về đối tượng, điều kiện và trình tự thủ tục cấp Giấy xác nhận ưu đãi tại khoản 9 Điều 1 (sửa đổi Điều 11) cùng các Mẫu biểu và Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển kèm theo. Các Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Dự án được ưu đãi cần phải có hàm lượng công nghệ, trải qua các công</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>ngành khó tiếp cận các chính sách hỗ trợ về tín dụng, thuế, đất đai hoặc chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, làm giảm hiệu quả thực thi của chính sách.</p>			<p>đoạn sản xuất phù hợp với thiết kế của dây chuyền công nghệ và quy trình sản xuất đảm bảo có sự biến đổi vật lý hoặc cơ học từ nguyên liệu, vật liệu, các chất liệu khác nhau để tạo thành sản phẩm (chứ không phải lắp ráp, gia công đơn thuần) và Dự án cần có ít nhất 01 doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp sản xuất và cung ứng nguyên liệu, vật liệu hoặc linh kiện, phụ tùng chính để phục vụ sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đề nghị xác nhận ưu đãi.</p> <p>Thực tế triển khai cho thấy hệ thống chính sách đang vận hành hiệu quả và minh bạch: từ năm 2016 đến nay, Bộ Công Thương đã ban hành hơn 300 Giấy xác nhận ưu đãi, góp phần cải thiện rõ rệt năng lực sản xuất CNHT trong nước. Việc tiếp cận chính sách hiện nay hiện khá thuận lợi thông qua hệ thống dịch vụ công toàn trình, kết hợp với các chương trình phổ biến pháp luật sâu rộng đến từng địa phương và hiệp hội, đảm bảo mọi doanh nghiệp đủ điều kiện đều có</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					thể thụ hưởng kịp thời các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước
14.	<p>- Khoản 1 và khoản 2 Điều 5 <b>Nghị định số 186/2025/NĐ-CP</b> ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</p> <p>- Điểm a khoản 1 Điều 5 <b>Nghị định 98/2025/NĐ-CP</b> ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua</p>	<p>Khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định:</p> <p><i>“1. Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện thuê, thuê mua tài sản theo quy định của pháp luật về đấu thầu, không phải trình ban hành Quyết định thuê, thuê mua tài sản.</i></p> <p><i>2. Việc thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước quy định tại Điều này không bao gồm thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước. Việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước được thực</i></p>	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL.	<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Tài chính</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/phản ánh: <i>UBND thành phố Huế</i></p>	<p>Tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP đã quy định cụ thể việc thuê, thuê mua tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước; việc thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước không bao gồm thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước. Việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan. Nghị định số 186/2025/NĐ-CP không điều chỉnh việc xác định gói thầu để thực hiện thuê tài sản, việc xác định gói thầu để thuê tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</p> <p>(2) Tại khoản 15 Điều 4 Luật Đấu thầu 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025)</p>



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác	<p><i>hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.”</i></p> <p>Điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 98/2025/NĐ-CP quy định:</p> <p><i>“1. Đề xuất nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị:</i></p> <p><i>a) Đối với tài sản, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số</i></p> <p><i>Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, quy định của pháp luật về công nghệ thông tin và pháp luật có liên quan, các cơ quan, đơn vị trực tiếp</i></p>			<p>quy định “Gói thầu là một phần hoặc toàn bộ dự án, dự toán mua sắm, có thể gồm những nội dung mua sắm giống nhau thuộc nhiều dự án hoặc là khối lượng mua sắm một lần, khối lượng mua sắm cho một thời kỳ đối với dự toán mua sắm, mua sắm tập trung”.</p> <p>Do đó, đối với các gói công nghệ thông tin có tính chất tích hợp (bao gồm cả phần cứng, phần mềm và dịch vụ), đơn vị có thể xác định và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo một gói thầu thống nhất trên cơ sở tính chất, mục tiêu và hiệu quả tổng thể, không bắt buộc phải chia tách thành các gói riêng biệt. Vì vậy, không phải ban hành văn bản hành chính hướng dẫn về nội dung liên quan đến Nghị định số 186/2025/NĐ-CP</p>



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>sử dụng và quản lý tài sản xác định nhu cầu mua sắm tài sản, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cần bổ sung, thay mới hoặc sửa chữa, cải tạo nâng cấp tài sản, trang thiết bị và dự toán kinh phí thực hiện trong năm kế hoạch từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước, trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này để xem xét, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện.”.</p> <p>Nghị định số 186/2025/NĐ-CP tách bạch thuê, thuê mua tài sản (theo pháp luật đấu thầu; không phải trình quyết định thuê) với thuê dịch vụ công nghệ thông tin (theo pháp luật quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin,...).</p>			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>Nghị định số 98/2025/NĐ-CP lại có cơ chế phê duyệt nhiệm vụ và dự toán cho mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tài sản, trong đó có quy định riêng “tài sản, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số”.</p> <p>Trên thực tế, nhiều gói công nghệ thông tin có thể bao gồm cả phần cứng (tài sản, trang thiết bị) và phần mềm, dịch vụ vận hành, bảo trì (dịch vụ công nghệ thông tin), do đó dễ dẫn đến sự khó khăn khi lựa chọn văn bản áp dụng hoặc chia nhỏ hay ghép gói thầu để đúng theo quy định, làm kéo dài thời gian thẩm định, phê duyệt.</p>			
15.	- Khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 62 <b>Nghị định số 133/2025/NĐ-CP</b> ngày 12/6/2025	Tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong	Đề nghị xác định thẩm quyền của “Chủ tịch Ủy ban nhân dân	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử	Hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài đã được cụ thể hóa tại Điều 13 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 (trên cơ sở quy định chi tiết

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Mục VI. Trình tự, thủ tục cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài ở Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.	lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định: “Việc cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài trên phạm vi địa bàn tỉnh quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Luật Khoa học và Công nghệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện” và nội dung tại khoản 1 Điều 62 quy định “Việc phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài trên phạm vi địa bàn tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện”. Tuy nhiên, tại Mục VI. Trình tự, thủ tục cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài ở Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP quy định: “Cơ quan có thẩm	tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” hay của “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”.	lý: Bộ Khoa học và Công nghệ - Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: UBND thành phố Cần Thơ	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo). Đồng thời, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 75 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP quy định: “Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp sau: ... b) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, <b>nghị định, nghị quyết của Chính phủ</b> , quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì quy định tương ứng trong Nghị định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực” Theo đó, toàn bộ các quy định liên quan đến trình tự, thủ tục, cách thức, thẩm quyền giải quyết thủ tục này trong

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<i>quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố”.</i>			<p>Điều 15, Điều 62 và Mục VI Phụ lục VI Nghị định số 133/2025/NĐ-CP đã được quy định tại Điều 13 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP.</p> <p>Vì vậy, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 75, Nghị định số 133/2025/NĐ-CP, nội dung này đã hết hiệu lực và thực hiện theo quy định tại Nghị định số 262/2025/NĐ-CP. Tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP quy định: Việc cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài trên phạm vi địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của <b>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</b>.</p>
16.	Điều 13 <b>Nghị định số 265/2025/NĐ-CP</b> ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều	Điều 13 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP quy định về các nội dung chi của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp. Tuy nhiên chưa có các khoản mục nội dung chi sau:	Sửa đổi, bổ sung Nghị định 265/2025/NĐ-CP	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính</i>	Khoản 1 Điều 66 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định “ <i>Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được phép trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được nhận khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho hợp</i>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:</p> <p>Điều 13. Nội dung chi của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp - thực hiện các dự án trọng điểm, dự án phát triển công nghệ chiến lược</p>	<p>- Được sử dụng Quỹ để chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</p> <p>- Được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để chi khen thưởng (chi tiền khuyến khích bằng % tiền chi thù lao thực tế) trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.</p> <p>- Được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để tài trợ học bổng cho sinh viên tài năng để thu hút nhân lực trẻ lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.</p> <p>- Góp vốn hình thành, tham gia góp vốn hoặc liên kết thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm; hợp tác đầu tư, liên kết với các doanh nghiệp công nghệ, đổi mới tạo, chuyển đổi</p>		<p>- Cơ quan kiến nghị/phản ánh: Tập đoàn Viettel</p>	<p><i>pháp của tổ chức, cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ của quỹ.</i></p> <p>Khoản 1 Điều 17 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp đã quy định về trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ như sau: “Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.”</p> <p>Như vậy, kinh phí trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế hàng năm, do đó, việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp đã được cân nhắc kỹ lưỡng trong quá trình xây dựng Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		số nhằm hình thành các doanh nghiệp (mua bán, sáp nhập, liên doanh thành lập pháp nhân mới trong nước hoặc nước ngoài), nhóm liên kết doanh nghiệp tiên phong, dẫn dắt, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược. Tổng mức tổn thất phát sinh từ hoạt động góp vốn hình thành, tham gia góp vốn hoặc liên kết thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm không vượt quá ngưỡng rủi ro 50% tổng vốn đầu tư. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp, cá nhân quản lý, sử dụng quỹ được miễn trách nhiệm dân sự, loại trừ trách nhiệm hành chính liên quan đến tổn thất đầu tư khi thực hiện hoạt động đầu tư trong trường hợp phát sinh tổn thất mặc dù đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>trong quá trình thực hiện đầu tư và công khai, minh bạch, trung thực trong quá trình ra quyết định đầu tư.</p> <p>Lý do: Các khoản mục chi nêu trên đều là các khoản mục chi cần thiết để phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp. Bổ sung quy định về hạn chế rủi ro khi đầu tư mạo hiểm do: áp dụng tương tự như quy định của Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia tại ND 264/2025/ND-CP đồng thời xử lý được vướng mắc về quy định “bảo toàn vốn DNNN) của Luật 68.</p>			
17.	Điều 3 (về giải thích từ ngữ) <b>Nghị định số 267/2025/ND-CP</b> ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một	Chưa làm rõ khái niệm đối tượng thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, giải quyết vấn đề về khoa học, công nghệ theo hình thức tài trợ, đặt hàng như khoản 2, 3 Điều 3 của Nghị định số 268/2025/ND-	<p>Sửa đổi, bổ sung.</p> <p>Làm rõ khái niệm tại Điều 3 Nghị định 267/2025/ ND-CP tương tự khoản 2, 3 Điều</p>	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i>	Việc quy định tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ là tổ chức, doanh nghiệp đã được quy định tại Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Theo đó, tiêu chí, điều kiện đối với tổ chức chủ trì tại Điều 5 Nghị định số 267/2026/ND-CP.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.	CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ <i>quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.</i>	3 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP: - Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo giải quyết vấn đề về khoa học, công nghệ theo hình thức tài trợ. - Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo giải quyết vấn đề về khoa học, công nghệ theo hình thức đặt hàng.	- Cơ quan kiến nghị/phản ánh: <i>UBND thành phố Huế</i>	Về nội hàm “tài trợ” “đặt hàng” đã được quy định tại khoản 1 Điều 16, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
18.	Khoản 2 Điều 10 <b><i>Nghị định số 267/2025/NĐ-CP</i></b> ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết	Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định: “2. <i>Thông báo kế hoạch tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</i> ”.	Sửa đổi, bổ sung. Làm rõ trình tự, thông báo kế hoạch tài trợ nhiệm vụ khoa	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử	Tài trợ và tuyển chọn, giao trực tiếp là hai thủ tục khác nhau, khoản 2 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP đã quy định riêng về thông báo kế hoạch tài trợ và khoản 3 tiếp theo quy định riêng



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo	Quy định này chưa quy định rõ trình tự thực hiện Thông báo tài trợ; hình thức thực hiện nhiệm vụ tài trợ là giao trực tiếp hay tuyển chọn.	học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tương tự như khoản 3 Điều 10 Nghị định 267/2025/NĐ-CP; làm rõ hình thức thực hiện của nhiệm vụ khoa học, công nghệ tài trợ (giao trực tiếp hay tuyển chọn).	lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Cơ quan kiến nghị/phản ánh: <i>UBND thành phố Huế</i>	thông báo kế hoạch đặt hàng để tuyển chọn, giao trực tiếp Đồng thời, Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã quy định rất rõ hình thức nhiệm vụ tài trợ, hình thức nhiệm vụ đặt hàng (dưới phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp). Trong đó, khoản 3 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cũng tách bạch việc xét tài trợ với việc tuyển chọn, giao trực tiếp
19.	Khoản 7 Điều 10; khoản 11 Điều 11; khoản 3, 8 Điều 12; khoản 6 Điều 15; khoản 8 Điều 16; khoản 5 Điều 17; khoản 6, 7 Điều 18; khoản 4 Điều 19 <b>Nghị</b>	Tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP có 08 Điều có nội dung UBND cấp tỉnh quy định chi tiết (trong trường hợp cần thiết) về nội dung, biểu mẫu, trình tự thực hiện các công tác quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ, tuy nhiên, <u>địa phương</u>	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành hành VBQPPL. Hướng dẫn bộ mẫu khung	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Cơ quan kiến nghị/phản	Nghị định số 267/2025/NĐ-CP đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết các nội dung, biểu mẫu trong trường hợp cần thiết, điều này tạo sự linh hoạt, chủ động cho địa phương. Vì vậy, thẩm quyền ban hành thuộc về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Để thuận lợi trong quá trình triển khai, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><b>định</b>  <b>267/2025/NĐ-CP</b>  ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo</p>	<p><u>hiện tại đang lúng túng, chưa có cơ sở để xây dựng các biểu mẫu trong công tác quản lý.</u></p> <p>- Khoản 7 Điều 10: “<i>Căn cứ và trình tự thực hiện Thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i> “7. Ngoài quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết nội dung, biểu mẫu, trình tự thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng, thời gian tiếp nhận hồ sơ đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết.”.</p> <p>- Khoản 11 Điều 11. Hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng</p>	<p>về công tác quản lý nhiệm vụ (nội dung, biểu mẫu, trình tự thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng; biểu mẫu hồ sơ đối với từng loại hình nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thành phần, số lượng thành viên, trình tự làm việc, mẫu biên bản họp hội đồng và tổ thẩm định kinh phí, mẫu phiếu đánh giá, nhận xét đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ</p>	<p>ánh: UBND thành phố Huế</p>	<p>hành Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN, trong đó đã quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành..., kèm theo các biểu mẫu trong quản lý nhiệm vụ Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo .</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>tạo: “Ngoài quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết biểu mẫu hồ sơ đối với từng loại hình nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết”.</p> <p>- Khoản 3, 8 Điều 12. Trình tự xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: “3. Việc xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tương ứng đối với từng loại hình nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền quản lý loại hình nhiệm vụ đó quy định (nếu có);</p> <p>8. Ngoài quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều</p>	<p>và đổi mới sáng tạo; nội dung, biểu mẫu hợp đồng giao nhiệm vụ tương ứng với từng loại hình nhiệm vụ; nội dung đánh giá, hồ sơ, biểu mẫu và trình tự đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tiêu chí đánh giá, hồ sơ, biểu mẫu và trình tự đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ,</p>		

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>này, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết thành phần, số lượng thành viên, trình tự làm việc, mẫu biên bản họp hội đồng và tổ thẩm định kinh phí, mẫu phiếu đánh giá, nhận xét đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước <u>trong trường hợp cần thiết.</u>”.</p> <p>- Khoản 6 Điều 15. Ký hợp đồng giao nhiệm vụ: “6. Ngoài quy định tại khoản 2 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh <u>quy định chi tiết nội dung, biểu mẫu hợp đồng giao nhiệm vụ tương ứng với từng</u></p>	<p>đổi mới sáng tạo) để các địa phương có cơ sở, vận dụng phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương.</p>		

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>loại hình nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết.”.</i></p> <p>- Khoản 8 Điều 16. Đánh giá trong kỳ, cấp tiếp kinh phí, điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ và chấm dứt thực hiện nhiệm vụ: “<i>Ngoài quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết nội dung đánh giá, hồ sơ, biểu mẫu và trình tự đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết”.</i></p> <p>- Khoản 5 Điều 17. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả</p>			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: “<i>Ngoài quy định tại khoản 1, 2 và 4 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chí đánh giá, hồ sơ, biểu mẫu và trình tự đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết.</i>”</p> <p>- Khoản 6, 7 Điều 18. Đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo: “6. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân</p>			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<i>dân các cấp<sup>1</sup> có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức ứng dụng và đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Nhà nước đặt hàng và nắm giữ quyền quản lý, sử dụng kết quả<sup>2</sup>; 7. Ngoài quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chí đánh giá, hồ sơ, biểu mẫu và trình tự đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết.”.</i>			

<sup>1</sup> Thiếu các đơn vị khác thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh thì có được giao tổ chức ứng dụng không?

<sup>2</sup> UBND cấp xã tiếp nhận, thực hiện đánh giá hiệu quả áp dụng, còn cơ quan quản lý nhiệm vụ trong Điều khoản này thực hiện đánh giá tác động của kết quả thực hiện. Như vậy, tiêu chí đánh giá hiệu quả áp dụng của UBND các cấp có cùng với tiêu chí đánh giá tác động của cơ quan quản lý không? Việc các đơn vị ứng dụng thực hiện đánh giá hiệu quả xong sẽ làm gì tiếp theo (đối với trường hợp hiệu quả hoặc không hiệu quả)?

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		- Khoản 4 Điều 19. Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ và thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ: “4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết nội dung, biểu mẫu quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, biểu mẫu thanh lý và biên bản thanh lý hợp đồng thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết.”.			
20.	Khoản 3 Điều 40 <b>Nghị định số 268/2025/NĐ-CP</b> ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới	Tại khoản 3 Điều 40 (Thẩm quyền công nhận tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo) quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và ban hành tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trong phạm vi	Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 268/2025/NĐ-CP	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>UBND</i>	Về vấn đề này, khoản 3 Điều 29 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP đã quy định khung tiêu chí hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thực hiện đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực, địa phương. Khoản 3 Điều 40 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tiêu chí cụ thể theo



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo	<p><i>quản lý; là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh trong phạm vi quản lý”.</i></p> <p>Hiện nay chưa có hướng dẫn về việc xây dựng và ban hành tiêu chí nêu trên để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.</p>		thành phố Đà Nẵng	từng điều kiện của địa phương. Vì vậy, phản ánh nêu trên chưa chính xác.
21.	Điểm d khoản 1 Điều 16 <b>Nghị định số 268/2025/NĐ-CP</b> ngày 14/10/2025 của Chính phủ	Nội dung tại điểm d khoản 1 Điều 16 nêu: “ <i>Kết quả đánh giá là căn cứ để cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo xem xét việc cấp kinh phí cho từng nội dung tài trợ hoặc</i>	Đề nghị bổ sung rõ quy định này có áp dụng cho nhiệm vụ đổi mới sáng	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử	Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đã bao gồm nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo hình thức tài trợ, đặt hàng, cơ sở.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo	<i>chấm dứt hợp đồng</i> ” chưa rõ có áp dụng bao gồm nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng hay không?	tạo đặt hàng hay không?	lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Cơ quan kiến nghị/phản ánh: <i>UBND thành phố Cần Thơ</i>	Theo đó, quy định tại điểm d khoản 1 Điều 16 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP áp dụng cho nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo hình thức tài trợ, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo hình đặt hàng.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
22.	Điều 19 <b>Nghị định số 268/2025/NĐ-CP</b> ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;	<p>- Khoản 2, Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định: “<u>2. <i>Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Nhà nước đặt hàng được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quyết định việc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp sau đây:</i></u></p> <p>a) <i>Triển khai nhiệm vụ cần bảo đảm yêu cầu bí mật nhà nước;</i></p> <p>b) <i>Triển khai nhiệm vụ cấp bách để phục vụ mục tiêu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; khắc phục hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố hoặc sự kiện bất khả kháng khác; phòng, chống thiên tai,</i></p>	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý; tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/phản ánh: <i>UBND tỉnh Quảng Ninh, UBND thành phố thành phố Đà Nẵng</i></p>	<p>- <i>Ý kiến của Bộ Tư pháp:</i></p> <p>Bộ Tư pháp thấy rằng kiến nghị của địa phương chưa thật sự chính xác.</p> <p>1. Khoản 2, Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định: <i>Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Nhà nước đặt hàng được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp. Trong đó, điểm b khoản 2 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quyết định việc giao trực tiếp trong trường hợp “b) Triển khai nhiệm vụ cấp bách để phục vụ mục tiêu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; khắc phục hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố hoặc sự kiện bất khả kháng khác; phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; bảo vệ tính mạng của người dân; bảo vệ lợi ích của Nhà nước hoặc lợi ích của cộng đồng”.</i></p> <p>2. Mặt khác, theo khoản 1 Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định xác định định hướng nhiệm vụ đổi mới</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo	<p><i>thảm họa, dịch bệnh; bảo vệ tính mạng của người dân; bảo vệ lợi ích của Nhà nước hoặc lợi ích của cộng đồng;</i></p> <p>c) <i>Nhiệm vụ chỉ có 01 tổ chức, doanh nghiệp có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó;</i></p> <p>d) <i>Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ huy động được nhân tài hoặc có cơ sở vật chất, hạ tầng đặc biệt phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu.”</i></p> <p>- Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định: <u>“Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo hình thức đặt hàng là nhiệm vụ đổi mới sáng tạo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định mục tiêu, nội dung, yêu cầu sản phẩm dựa trên nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, lợi ích</u></p>			<p>sáng tạo đặt hàng là “<u>Căn cứ vào chỉ đạo của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, bộ, ngành và địa phương, các chương trình đổi mới sáng tạo, những vấn đề quan trọng, cấp bách, mới phát sinh trong thực tế như <u>khắc phục hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố hoặc sự kiện bất khả kháng khác; phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; bảo vệ tính mạng của người dân; bảo vệ lợi ích của Nhà nước hoặc lợi ích của cộng đồng và các vấn đề xã hội khác, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác thuộc trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định định hướng đặt hàng và công bố kêu gọi đề xuất đặt hàng.</u></u></p> <p>3. Từ các căn cứ trên cho thấy, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo do nhà nước đặt hàng thuộc các trường hợp được giao trực tiếp theo điểm b khoản 2 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><i>công cộng, được Nhà nước cấp toàn bộ hoặc một phần kinh phí từ ngân sách nhà nước và giao cho doanh nghiệp, tổ chức thực hiện <u>thông qua phương thức giao trực tiếp</u></i>.</p> <p>- Khoản 9, Điều 19 của Nghị định 268/2025/NĐ-CP quy định: “<i>Việc thông báo, xét duyệt để <u>giao trực tiếp</u> và tổ chức thực hiện <u>nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng thực hiện theo quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và Điều 18 Nghị định này</u></i>”.</p> <p>Như vậy, theo khoản 2 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (bao gồm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và nhiệm vụ đổi mới sáng tạo) do Nhà</p>			<p>sáng tạo. Như vậy, giữa Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Nghị định số 268/2025/NĐ-CP không mâu thuẫn.</p> <p>- <i>Ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>: Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định: “Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo hình thức đặt hàng là nhiệm vụ đổi mới sáng tạo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định mục tiêu, nội dung, yêu cầu sản phẩm dựa trên nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, lợi ích công cộng, được Nhà nước cấp toàn bộ hoặc một phần kinh phí từ ngân sách nhà nước và giao cho doanh nghiệp, tổ chức thực hiện thông qua phương thức giao trực tiếp”.</p> <p>Việc giao trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức được thực hiện theo quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và Điều 18 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>nước đặt hàng sẽ được thực hiện bằng 1 trong 2 phương thức là <u>tuyển chọn</u> hoặc <u>giao trực tiếp</u>. Chỉ được giao trực tiếp trong một số trường hợp cụ thể mà Luật đã quy định.</p> <p>Tuy nhiên, theo khoản 3 Điều 3 và khoản 9, Điều 19 của <u>Nghị định 268/2025/NĐ-CP</u> nhiệm vụ đổi mới sáng tạo do Nhà nước đặt hàng sẽ chỉ được thực hiện bằng phương thức <u>giao trực tiếp</u>. Do đó, quy định giữa Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Nghị định 268/2025/NĐ-CP là chưa thống nhất.</p> <p>- Ngoài ra, đối với trường hợp thông báo đề xuất đặt hàng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo có từ 02 hồ sơ đủ điều kiện <u>đăng ký trở lên</u> cho cùng 01 <u>nhiệm vụ</u>: Theo Luật phải thực hiện hình thức <u>tuyển chọn</u>.</p>			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Còn nếu theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP thì phải thực hiện theo phương thức giao trực tiếp, việc này không khả thi vì không thể giao 01 nhiệm vụ cho cả 02 tổ chức.			
23.	Khoản 2 Điều 19 <b><i>Nghị định số 268/2025/NĐ-CP</i></b> ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng	Nội dung tại khoản 2 Điều 19 nêu: “ <i>Căn cứ kết quả tiếp nhận các đề xuất đặt hàng tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thành lập Hội đồng để xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng</i> ” là chưa đầy đủ, thiếu các hồ sơ đề xuất nhiệm vụ hợp lệ của các tổ chức, cá nhân đã được cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo kiểm tra ở khoản 3 Điều 10	Điều chỉnh, bổ sung vào quy định tại khoản 2 Điều 19 thành: “Căn cứ kết quả xử lý hồ sơ đề xuất nhiệm vụ tại khoản 3 Điều 10 và kết quả tiếp nhận các đề xuất đặt hàng tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thành lập Hội đồng để xác định danh mục	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>UBND thành phố Cần Thơ</i>	Khoản 1, 2 Điều 19 là xác định định hướng đặt hàng và xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng. Trong khi đó, khoản 3 Điều 10 là xử lý hồ sơ đề xuất nhiệm vụ (tài trợ). Vì thế không thể lấy kết quả xét hồ sơ đề xuất nhiệm vụ (tài trợ) để xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.		nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng, tài trợ”.		
24.	Khoản 5 Điều 65 <b>Nghị định số 268/2025/NĐ-CP</b> ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi	Theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định về hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục và các biểu mẫu liên quan đến việc	Sớm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục và hệ thống biểu mẫu liên quan đến việc thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, nhằm tạo thuận lợi cho	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>UBND thành phố Cần Thơ</i>	Việc thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận không phải là thủ tục hành chính được thực hiện theo yêu cầu của doanh nghiệp, mà là biện pháp quản lý nhà nước do cơ quan có thẩm quyền chủ động thực hiện trong quá trình kiểm tra, hậu kiểm, thanh tra hoặc khi phát hiện tổ chức, doanh nghiệp có sai phạm, cung cấp thông tin không đúng, hoặc không còn đáp ứng điều kiện theo quy định. Do đó, bản chất pháp lý của hoạt động này là xử lý quản lý nhà nước đối với Giấy chứng nhận đã cấp, không đồng nhất với các thủ tục sửa đổi, bổ sung, cấp lại hoặc các thủ tục hành chính phát sinh trên cơ



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.	thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 53 của Nghị định này.	các địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện và bảo đảm tính thống nhất trong quản lý nhà nước.		sở đề nghị của tổ chức, cá nhân. Mặt khác, Điều 53 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP đã quy định về căn cứ, thẩm quyền và cách thức xử lý đối với việc thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận, nên địa phương có đủ cơ sở pháp lý để áp dụng trực tiếp trong quá trình tổ chức thực hiện. Việc tiếp tục ban hành thêm hướng dẫn riêng về nội dung này là chưa cần thiết, đồng thời không phù hợp với yêu cầu hiện nay về tinh gọn thủ tục, giảm phát sinh giấy tờ, biểu mẫu và khâu trung gian trong hoạt động quản lý nhà nước. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn triển khai, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ tổng hợp, nghiên cứu đề hướng dẫn hoặc đề xuất xử lý theo thẩm quyền.
25.	Mẫu số I.13, I.14 Phụ lục I ban hành kèm theo <b>Nghị định số 268/2025/NĐ-CP</b> ngày 14/10/2025 hướng dẫn Luật	<u>Tại Mẫu số I.13 (Thủ trưởng cơ quan quyết định về việc phê duyệt nhiệm vụ), I.14 (Hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ) Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP có quy</u>	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i>	Mẫu số I.13 (Thủ trưởng cơ quan quyết định về việc phê duyệt nhiệm vụ), I.14 (Hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ): - Nội dung về hồ sơ thanh toán tại mẫu số I.13, I.14 không phải là nội dung thành viên Hội đồng phải biểu quyết.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025 về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo	<p>định Hội đồng xét duyệt phải biểu quyết thông qua nội dung “Hồ sơ thanh toán” đang gây khó khăn cho Hội đồng thực hiện chức năng nhiệm vụ và quá trình quản lý của cơ quan quản lý nhiệm vụ. Do việc quy định hồ sơ thanh toán theo Luật Ngân sách, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn luật, đồng thời theo từng tính chất, nội dung, thực tế quá trình triển khai.</p> <p>Do đó cần nghiên cứu, điều chỉnh theo hướng bỏ quy định Hội đồng xét duyệt biểu quyết thông qua đối với hồ sơ thanh toán trong các Mẫu số I.13, I.14 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.</p>	VBQPPL năm 2025	- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>UBND tỉnh Quảng Ninh</i>	<p>- Nội dung Hồ sơ thanh toán tại mẫu số I.13 là nằm trong Phụ lục kết quả dự kiến của nhiệm vụ tại Quyết định phê duyệt nhiệm vụ. Nội dung này là cần thiết.</p> <p>- Nội dung Hồ sơ thanh toán tại mẫu số I.14 là nằm trong Phụ lục nội dung, kết quả đầu ra, kinh phí dự kiến của Hợp đồng tài trợ. Nội dung này là cần thiết</p>
26.	- Điểm c, d, đ khoản 2, Điều 8 <b>Nghị định số</b>	Tại khoản 2, Điều 8 quy định: “2. Ngoài các tiêu chí	Sửa đổi Nghị định số 268/2025/NĐ-	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp	Ngoài việc đáp ứng các tiêu chí chung quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, tùy theo loại

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><b>268/2025/NĐ-CP</b> ngày 14/10/2025 hướng dẫn Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025 về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo</p>	<p>chung quy định tại khoản 1 Điều này, tùy theo loại nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo còn phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại một trong các điểm a, b, c, d, đ sau:</p> <p>a) Nhiệm vụ đổi mới công nghệ phải bảo đảm tạo ra sản phẩm, dịch vụ, quy trình hoặc mô hình kinh doanh mới, hoặc có cải tiến đáng kể so với hiện có; kèm theo các chỉ tiêu kỹ thuật, kinh tế cụ thể và khả năng đưa vào ứng dụng; và phải có một trong các hoạt động sau:...</p> <p>b) Đối với nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p>	CP	<p>nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>UBND thành phố Đà Nẵng</i></p>	<p>nhiệm vụ đổi mới sáng tạo còn phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại một trong các điểm a, b, c, d, đ khoản 2, Điều 8 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP:</p> <p>Việc quy định này nhằm mục đích chuyển đổi mô hình tài trợ, đặt hàng từ chiều rộng sang chiều sâu, dựa trên đánh giá kết quả đầu ra của nhiệm vụ; mang lại giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế, năng lực cạnh tranh và tác động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>c) Đối với nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo:</p> <p>Có giải pháp thu hút chuyên gia, nhà đầu tư, doanh nghiệp lớn trong nước, quốc tế nhằm thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;</p> <p>Có giải pháp huy động hoặc tối ưu hóa nguồn lực từ khu vực tư nhân, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức quốc tế, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo;</p> <p>Có giải pháp nâng cao năng lực, tăng cường liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ở cấp địa phương, quốc gia, kết nối quốc tế;</p> <p>Có đội ngũ chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo hoặc đối tác hỗ trợ về công</p>			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính, quản trị, marketing, kết nối đầu tư;</p> <p>Có giải pháp hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.</p> <p>d) Đối với nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay:</p> <p>Dự án, phương án đầu tư phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phải được tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam chấp thuận cho vay để thực hiện;</p> <p>Dự án, phương án đầu tư phải có nội dung ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với nội dung quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định quy định chi tiết và hướng</p>			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;</p> <p>Dự án, phương án đầu tư phải phù hợp với định hướng ưu tiên theo thông báo hằng năm của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, ngành, địa phương (sau đây gọi tắt là Quỹ) và khả năng bố trí nguồn kinh phí của cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo;</p> <p>Ưu tiên công nghệ của dự án, phương án đầu tư phải thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao; Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển; Danh mục công nghệ</p>			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>chiến lược theo quy định của pháp luật.</p> <p>đ) Đối với nhiệm vụ hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher):</p> <p>Sản phẩm mới, dịch vụ mới phải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, có giấy phép lưu hành hoặc chứng nhận hợp quy để lưu hành trên thị trường;</p> <p>Sản phẩm, dịch vụ có yếu tố mới về công nghệ, tính năng, mô hình kinh doanh hoặc thị trường; ưu tiên sản phẩm, dịch vụ được tạo ra từ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, công nghệ cao, công nghệ chiến lược; có khả năng nhân rộng, thương mại hóa hoặc mở rộng thị trường.” Tuy nhiên, rất khó để doanh nghiệp có thể đáp</p>			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>ứng cùng lúc các tiêu chí tại điểm c hoặc d hoặc đ.</p> <p>Do đó, việc quy định như vậy sẽ làm hạn chế số lượng doanh nghiệp tham gia nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước.</p>			
27.	<p>Điểm a khoản 3 Điều 15 <b>Nghị định số 268/2025/NĐ-CP</b> ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp;</p>	<p>Điểm a khoản 3 Điều 15 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định: “<i>Việc cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thực hiện khi tổ chức chủ trì đã cung cấp đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ theo quy định tại hợp đồng</i>” sẽ gây khó khăn cho tổ chức chủ trì vì phải tự ứng trước kinh phí để thực hiện, đến khi nộp đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ mới được cấp kinh phí để quyết toán.</p>	<p>Đề nghị bổ sung quy định “cấp tạm ứng kinh phí” để tháo gỡ khó khăn cho các tổ chức chủ trì.</p>	<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh (nếu có): <i>UBND thành phố Cần Thơ</i></p>	<p>Quan điểm xây dựng nhiệm vụ tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP là nhiệm vụ này được thực hiện chủ yếu là doanh nghiệp, với cơ chế là sự hỗ trợ cho những đổi mới sáng tạo thành công. Đồng thời, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thường triển khai trong thời gian ngắn, có sự tham gia, cấp vốn đối ứng của doanh nghiệp, không kéo dài và ít phụ thuộc vào kinh phí nhà nước như các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Vì vậy, quy định không đặt ra việc tạm ứng cho loại nhiệm vụ này.</p>



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo				
28.	Điều 13, điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 18 <b><i>Nghị định số 268/2025/NĐ-CP</i></b> ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo	Tại Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định về thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, tuy nhiên không quy định các nội dung về thành lập Tổ thẩm định, biểu mẫu phục vụ cho việc thẩm định kinh phí (như thành phần, số lượng Tổ thẩm định kinh phí; biểu mẫu Phiếu thẩm định; biểu mẫu Biên bản thẩm định...); cơ sở xác định tỷ lệ hoặc mức hỗ	Ban hành Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Cơ quan kiến nghị/phản ánh (nếu có): <i>UBND thành phố Đà Nẵng</i>	- Tại Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định việc thẩm định kinh phí nhiệm vụ <b>đổi mới sáng tạo</b> , không quy định các nội dung về thành lập Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, biểu mẫu phục vụ cho việc thẩm định kinh phí (như thành phần, số lượng thành viên Tổ thẩm định; biểu mẫu Phiếu thẩm định; biểu mẫu Biên bản thẩm định...). Tuy nhiên, tại Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo</p>	<p>trợ theo từng nội dung hỗ trợ, tài trợ. Đồng thời, tại Điều 13 quy định trong trường hợp cần thiết cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thuê đơn vị thẩm tra kinh phí theo quy định; tuy nhiên chưa nêu rõ nguồn kinh phí, mức chi để chi trả cho đơn vị thẩm tra kinh phí.</p> <p>Đồng thời, Nghị định số 268/2025/NĐ-CP chưa hướng dẫn về trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá; biểu mẫu Phiếu kiểm tra, đánh giá, Biên bản kiểm tra, đánh giá; thành phần, số lượng, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn (điểm c khoản 2 Điều 17); biểu mẫu biên bản quyết toán (Điều 18).</p> <p>Hiện nay, Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định khung về trình tự, thủ</p>			<p>của luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP đã quy định về Tổ thẩm định kinh phí; trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ <b>và đổi mới sáng tạo</b> (đã bao gồm thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tại Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP); tại khoản 8 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định ngoài các quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết thành phần, số lượng thành viên, trình tự làm việc, mẫu biên bản họp hội đồng và tổ thẩm định kinh phí, mẫu phiếu đánh giá, nhận xét đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết.</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về tình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó có giao UBND cấp tỉnh ban hành quy định cụ thể về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện, xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng liên quan đến nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chỉ hướng dẫn đối với Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, chưa có hướng dẫn đối với Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.			<p>- Tại Điều 16 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định việc kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, không quy định trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá, biểu mẫu Phiếu kiểm tra, đánh giá, Biên bản kiểm tra, đánh giá... Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định “2. Cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quyết định việc tự tổ chức hoặc thuê tổ chức tư vấn kiểm tra, đánh giá”. Đồng thời, Điều 16, Điều 17, Điều 18 tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP đã quy định trình tự đánh giá trong kỳ, cuối kỳ, hiệu quả đầu ra, tác động việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ <b>và đổi mới sáng tạo</b>.</p> <p>- Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 đã hướng dẫn chi tiết cho các nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ <b>và đổi mới sáng tạo</b> theo Điều 11 Nghị định 265/2025/NĐ-CP, trong đó có chi cho hội đồng xét duyệt, tổ thẩm định kinh</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					phí, chuyên gia độc lập, thuê tổ chức có chức năng đánh giá. Do đó, địa phương căn cứ các quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN để thực hiện hoặc xây dựng trình tự, thủ tục thẩm định kinh phí, kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, đồng thời vẫn phải rà soát để bám sát các nội dung liên quan đến nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.
29.	<b>Nghị định số 288/2025/NĐ-CP</b> ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác	Khoảng trống về đào tạo - sát hạch - cấp chứng chỉ phi công UAV: Chính phủ đã ban hành Nghị định 288/2025/NĐ-CP về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác cho phép các cơ sở giáo dục <b>đào tạo phi công UAV</b> nhưng Bộ Quốc phòng chưa ban hành thông tư hướng dẫn, cũng như chưa xác định rõ cơ quan nào chịu trách nhiệm tổ	Ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Quốc phòng</i> , - Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>UBND thành phố Huế</i>	- Đã ban hành Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo và kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác. Thông tư số 146/2025/TT-BQP đã quy định rõ tại Điều 12 việc phân cấp giám sát, kiểm tra, tổ chức sát hạch và

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		chức sát hạch, tiêu chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn an toàn, chuẩn thiết bị. Do vậy, không có hệ thống đào tạo - cấp chứng chỉ chuẩn, gây nguy cơ mất an toàn và làm chậm hình thành đội ngũ vận hành UAV chuyên nghiệp.			<p>cấp mới, cấp đổi, cấp lại, công nhận Giấy phép điều khiển phương tiện bay cho Quân chủng Phòng không - Không quân. Do đó, nhận định “<i>chưa xác định cơ quan chịu trách nhiệm</i>” là không chính xác.</p> <p>- Không tồn tại “khoảng trống pháp lý” như phản ánh: Hệ thống văn bản hiện hành đã hình thành khung quản lý cơ bản cho đào tạo, sát hạch và cấp chứng chỉ. Việc chưa ban hành đầy đủ các hướng dẫn chi tiết (chương trình đào tạo, chuẩn thiết bị...) là bước triển khai tiếp theo, không phải là khoảng trống pháp lý.</p> <p>- Tiếp cận triển khai có lộ trình, không nóng vội: Lĩnh vực UAV có tính chất mới, liên quan trực tiếp đến an toàn bay và quốc phòng, do đó việc chuẩn hóa chương trình đào tạo, tiêu chuẩn sát hạch cần được xây dựng thận trọng, đồng bộ và có kiểm chứng thực tiễn, tránh ban hành vội vàng, gây rủi ro hệ thống.</p> <p>- Không làm gián đoạn hoạt động đào tạo, vận hành: Trong giai đoạn hiện nay, các hoạt động đào tạo, huấn luyện và cấp</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					phép vẫn được thực hiện theo cơ chế quản lý hiện hành; không có căn cứ cho rằng “làm chậm hình thành đội ngũ” như phản ánh.
30.	<b>Nghị định số 288/2025/NĐ-CP</b> ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (chưa có quy định)	Nghị định số 288/2025/NĐ-CP quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác. Theo đó, để triển khai bay thiết bị bay không người lái có rất nhiều giấy phép như: giấy phép nhập khẩu thiết bị, xin giấy chứng nhận đủ điều kiện trường hợp sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, đăng ký phương tiện bay, mỗi lần bay phải xin cấp phép trước tối thiểu 07 ngày, giấy phép điều khiển phương tiện bay. Hiện nay, để phát triển kinh tế tầm thấp, doanh nghiệp cần triển khai thử nghiệm các dịch vụ liên quan đến thiết bị bay không người lái (VD: vận chuyển logistic,	Bổ sung Nghị định số 288/2025/NĐ-CP hoặc ban hành Nghị định riêng	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Quốc phòng</i> - Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Tập đoàn Viettel</i>	Bộ Quốc phòng không thống nhất với đề xuất áp dụng cơ chế thử nghiệm theo hướng miễn trừ các thủ tục của Nghị định số 288/2025/NĐ-CP, với các nội dung sau: - Các thủ tục là lớp kiểm soát bắt buộc: Các yêu cầu về đăng ký, cấp phép bay, giấy phép điều khiển, điều kiện kỹ thuật... là hệ thống kiểm soát an ninh - an toàn không phân, không thể miễn trừ trong hoạt động bay đối với tất cả các nước trên thế giới, kể cả thử nghiệm, chỉ loại trừ với thử nghiệm đã có kiểm soát rủi ro, tuy nhiên, kiểm soát rủi ro với hoạt động bay UAV hiện chỉ thực hiện thí điểm ở một số nước sau khi có hạ tầng hỗ trợ, bãi thử đủ tiêu chuẩn và khung pháp lý chặt chẽ, VD: Trung Quốc, Mỹ... - Nhà nước đang triển khai theo hướng kiến tạo, không cản trở: Bộ Quốc

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		kiểm tra giám sát hạ tầng, an ninh, giám sát đô thị, nông nghiệp thông minh) Do vậy, để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, đề xuất ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong đó có cơ chế riêng về cấp phép, không phải tuân thủ các thủ tục phép theo quy định của Nghị định số 288/2025/NĐ-CP và hưởng các cơ chế miễn trừ rủi ro theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với hoạt động thử nghiệm có kiểm soát			phòng đã tiến hành cấp bay thử nghiệm cho một số doanh nghiệp cơ sở phía Nam, mở mới Dự án “Đầu tư nâng cấp phần mềm, triển khai hạ tầng giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay khác” nhằm đẩy mạnh số hóa, triển khai thủ tục hành chính trực tuyến trong quản lý UAV nhằm rút ngắn thời gian, đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính liên quan đến UAV. Đồng thời, Bộ Quốc phòng đã tích cực phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2815/QĐ-TTg ngày 28/12/2025 về Phê duyệt “Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai ngay”, trong đó xác định UAV là lĩnh vực ưu tiên, với các nội dung như Khu bay thử nghiệm, Hệ thống quản lý UAV (UTM), Định danh điện tử (chip định danh) theo đó có thể nghiên cứu thử nghiệm UAV có kiểm soát (Sandbox) nhưng không tách

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					khỏi khung pháp lý: Cơ chế thử nghiệm có thể được xem xét theo hướng có kiểm soát (khu vực, điều kiện, giám sát cụ thể), gắn với hạ tầng UTM và định danh, không phải miễn trừ toàn bộ thủ tục theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.
31.	Điểm c, khoản 1, Điều 10 của <b>Nghị định số 288/2025/NĐ-CP</b> ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác: kiến nghị quy định không khả thi, không phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật.	<p>Theo điểm c, khoản 1, Điều 10 của Nghị định số 288/2025/NĐ-CP, doanh nghiệp muốn cung cấp dịch vụ sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện bay không người lái (UAV) phải có ít nhất 03 nhân sự được đào tạo chuyên ngành kỹ thuật hàng không. Tuy nhiên, quy định này chưa thật sự phù hợp với thực tiễn phát triển của lĩnh vực UAV.</p> <p>Trên thực tế, các kỹ sư hàng không truyền thống chưa chắc đã có chuyên môn sát với công nghệ UAV, trong khi đội ngũ kỹ sư UAV hiện nay thường xuất phát từ nhiều</p>		<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Quốc phòng</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin</i></p>	<p>- Bảo đảm ngưỡng an toàn tối thiểu: Yêu cầu tối thiểu 03 nhân sự được đào tạo chuyên ngành kỹ thuật hàng không là cần thiết nhằm kiểm soát rủi ro đối với phương tiện bay, bảo đảm an ninh, an toàn hàng không và quốc phòng.</p> <p>- Bản chất UAV thuộc lĩnh vực hàng không, UAV vẫn là phương tiện bay, chịu chi phối bởi các nguyên lý cốt lõi của kỹ thuật hàng không. Các chuyên ngành như công nghệ thông tin, điện - điện tử, cơ điện tử... là các thành phần hỗ trợ, không thay thế nền tảng này.</p> <p>- Quy định không mang tính hạn chế cứng: Nghị định không quy định trình độ cụ thể (trung cấp, cao đẳng hay đại học), do đó đã tạo sự linh hoạt cho doanh nghiệp trong bố trí nhân sự phù hợp thực tiễn. Đồng thời, quy định cũng không</p>



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		ngành kỹ thuật khác nhau như khí động học/cơ lưu trắc, công nghệ thông tin (thiết kế phần mềm và điều khiển), điện - điện tử, cơ điện tử... Đây mới là các chuyên môn trực tiếp liên quan đến thiết kế, vận hành và sửa chữa UAV. Do đó, việc chỉ giới hạn nhân sự ở chuyên ngành kỹ thuật hàng không có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc đáp ứng điều kiện nhân lực, đồng thời chưa phản ánh đúng đặc thù công nghệ liên ngành của lĩnh vực UAV.			hạn chế việc sử dụng đội ngũ kỹ sư liên ngành. - Định hướng nâng chuẩn, không phải rào cản: Quy định nhằm chuẩn hóa năng lực tối thiểu, định hướng doanh nghiệp phát triển theo chuẩn an toàn hàng không, không phải là yếu tố gây cản trở.
32.	Điểm e khoản 1 Điều 10 của <b>Nghị định số 288/2025/NĐ-CP</b> ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không	Điểm e khoản 1 Điều 10 của Nghị định <b>số 288/2025/NĐ-CP</b> , doanh nghiệp phải cung cấp danh mục phương tiện bay được sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng cùng các hồ sơ kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn,		- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Quốc phòng</i>	Không đồng ý vì, hiện tại đã có các trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Công nghệ Hà Nội, Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện kỹ thuật quân sự, Học viện Hàng không Việt Nam đào tạo chuyên ngành về hàng không trong đó có UAV

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	người lái và phương tiện bay khác: kiến nghị quy định không khả thi, không phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Quốc phòng ban hành hoặc tiêu chuẩn cơ sở được Bộ Quốc phòng công nhận. Điều này trên thực tế đồng nghĩa với việc doanh nghiệp muốn thực hiện hoạt động sửa chữa UAV phải được Cục Công nghiệp - Bộ Quốc phòng cấp phép đạt tiêu chuẩn sửa chữa. Tuy nhiên, cơ chế quản lý này còn gặp nhiều vướng mắc trong bối cảnh Việt Nam hiện chưa có hệ thống đào tạo chuyên biệt về sửa chữa UAV. Trong thực tế, các quy trình sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nâng cấp thiết bị thường do chính các hãng sản xuất UAV cung cấp hướng dẫn kỹ thuật và tiêu chuẩn vận hành. Vì vậy, việc yêu cầu doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật do cơ quan quản lý ban hành, trong khi		- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin</i>	Việc cấp phép là điều kiện bắt buộc được quy định tại Điều 28 Luật Phòng không nhân dân (Nghị định không thể quy định trái Luật).

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>hệ sinh thái đào tạo và tiêu chuẩn kỹ thuật trong nước chưa hoàn thiện, có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp và làm hạn chế sự phát triển của ngành công nghiệp UAV.</p> <p>Do đó, cần xem xét điều chỉnh cách tiếp cận quản lý theo hướng xác định rõ các rủi ro cần kiểm soát và thiết kế cơ chế quản lý phù hợp hơn với thực tiễn công nghệ, đồng thời tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất, sửa chữa và phát triển UAV.</p>			
33.	Điểm c khoản 2 Điều 54 <b>Nghị định số 332/2025/NĐ-CP</b> ngày 18/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều	Tại điểm c khoản 2 Điều 54 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP, thành phần hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ quy định “ <i>Văn bản xác nhận quá trình đảm nhiệm công việc đối với cá nhân đã được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ theo Mẫu số 19 tại Phụ</i>	Sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng quy định này; trong đó làm rõ đối với trường hợp cấp Chứng chỉ nhân viên bức	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Cơ quan kiến nghị/	<p>Văn bản xác nhận quá trình đảm nhiệm công việc đối với cá nhân đã được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ theo Mẫu số 19 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>Như vậy, quy định đã xác định rõ đối tượng áp dụng của loại giấy tờ này là cá nhân đã được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (điều kiện này chỉ áp dụng cho</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân	<i>lục VII ban hành kèm theo Nghị định này</i> ”. Tuy nhiên, trong thực tế triển khai tại địa phương phát sinh vướng mắc đối với trường hợp cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ lần đầu. Đối với các đối tượng này, cá nhân chưa từng được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ và chưa có quá trình đảm nhiệm công việc bức xạ trước đó, do đó không có cơ sở để cơ quan, tổ chức xác nhận quá trình đảm nhiệm công việc theo Mẫu số 19.	xạ lần đầu thì không yêu cầu văn bản xác nhận quá trình đảm nhiệm công việc theo Mẫu số 19.	phản ánh: <i>UBND thành phố Cần Thơ</i>	trường hợp đã từng được cấp chứng chỉ (như trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung) không áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp lần đầu). Do đó, đối với trường hợp cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ lần đầu, không thuộc đối tượng nêu trên và không phải nộp văn bản xác nhận quá trình đảm nhiệm công việc
34.	Điểm a khoản 2 Điều 85 <b>Nghị định số 332/2025/NĐ-CP</b> ngày 18/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng	Tại điểm a khoản 2 Điều 85 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân được thực hiện theo Chương III Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành. Tại	Đề nghị điều chỉnh thống nhất	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>UBND</i>	Điểm b khoản 1 Điều 59 Luật Năng lượng nguyên tử quy định: “... <i>tần suất thanh tra tương ứng quy mô, loại hình công việc bức xạ, mức độ rủi ro của công việc bức xạ gây ra; không trùng lặp về nội dung, thời gian, đối tượng với hoạt động thanh sát hạt nhân...</i> ”; đồng thời Luật giao Chính phủ quy định chi tiết thanh tra, kiểm tra an toàn bức xạ và hạt nhân. Thực hiện nhiệm vụ được giao,

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân	khoản 2 Điều 11 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP quy định căn cứ ban hành quyết định kiểm tra chuyên ngành: Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc sự cố, sự kiện, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật chuyên ngành;.... Tuy nhiên, tại Điều 91 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP quy định tần suất thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân phải tương ứng quy mô, loại hình công việc bức xạ, mức độ độ rủi ro của công việc bức xạ gây ra (tùy vào quy mô, loại hình công việc bức xạ mà tần suất thanh tra, kiểm tra ít nhất 01 lần trong 01 năm hoặc 01 lần trong 02 năm, ...), chưa có sự thống nhất, chặt chẽ để thực hiện kiểm tra tại cơ sở.		thành phố Cần Thơ	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 332/2025/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Năng lượng nguyên tử, trong đó có nội dung chi tiết về thanh tra, kiểm tra an toàn bức xạ và hạt nhân. Nghị định số 332/2025/NĐ-CP quy định chi tiết tần suất thanh tra, kiểm tra; đồng thời dẫn chiếu trình tự, thủ tục kiểm tra chuyên ngành được thực hiện theo Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành. Như vậy, quy định về tần suất thanh tra, kiểm tra có căn cứ pháp lý là điểm b khoản 1 Điều 59. Hai quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP và Nghị định số 332/2025/NĐ-CP không mâu thuẫn mà điều chỉnh hai nội dung khác nhau và có tính bổ trợ. Nghị định số 217/2025/NĐ-CP quy định về căn cứ phát sinh hoạt động kiểm tra, mang tính linh hoạt, cho phép kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, sự cố hoặc theo chỉ đạo, yêu cầu có thẩm quyền. Trong khi đó, Nghị định số 332/2025/NĐ-CP quy định tần suất kiểm tra tối thiểu mang tính định

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					kỳ, bắt buộc, nhằm bảo đảm giám sát thường xuyên theo mức độ rủi ro. Vì vậy, tần suất kiểm tra theo Nghị định số 332/2025/NĐ-CP là “mức sàn” phải thực hiện, còn Nghị định số 217/2025/NĐ-CP là cơ sở để tiến hành kiểm tra đột xuất khi cần thiết; hai quy định này cùng tồn tại, bảo đảm vừa kiểm soát định kỳ, vừa kịp thời xử lý rủi ro phát sinh.
35.	- <b>Nghị định số 267/2025/NĐ-CP</b> ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy	- <u>Tại Biểu mẫu BM-10</u> (Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo) tại Phụ lục ban hành kèm theo <u>Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN</u> và <u>điểm i khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP</u> của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có quy định	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Cơ quan kiến nghị/phản ánh: <i>UBND tỉnh Quảng Ninh</i>	<b>Đối với kiến nghị chưa có mức chi về tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:</b> Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN đã quy định mức chi: - Về nội dung chi cho hoạt động tự kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và khoản 9 Điều 6 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. - Về mức chi cho hoạt động tự kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Điều 22 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN đã có quy định

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo</p> <p>- Điểm i khoản 1 Điều 6 <b>Nghị định số 265/2025/NĐ-CP</b> của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</p>	<p>nội dung chi cho <u>tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</u> của đơn vị chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p> <p>- Tuy nhiên, <u>Nghị định số 267/2025/NĐ-CP</u> không có quy định cụ thể về tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Mặt khác, tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Thông tư 39/2025/TT-BKHCN ngày 31/10/2025 hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa</p>			<p>mức chi cho hoạt động này do được dẫn chiếu tới Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.</p> <p><b><i>Điều 22. Dự toán chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i></b></p> <p><i>Dự toán chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng trên cơ sở:</i></p> <p><i>1. Số lượng thành viên tham gia đánh giá, địa điểm đánh giá, phương thức đánh giá.</i></p> <p><i>2. <u>Mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN</u> ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo).</i></p>



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>học, công nghệ và đổi mới sáng tạo <u>không quy định mức chi cho hoạt động này.</u></p> <p><u>Như vậy hoạt động tư đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị chủ trì có cần thực hiện hay không?</u> Đề nghị cần quy định rõ nội dung này để đảm bảo việc áp dụng đồng bộ, thống nhất.</p>			
36.	<p>Điểm c khoản 7 Điều 4 <b>Thông tư 38/2025/TT-BKHCN</b> ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động</p>	<p>Giao thoa trong hoạt động quản lý và xây dựng nền tảng số</p> <p>Sự chồng chéo còn xuất hiện giữa việc chi cho các nhiệm vụ mang tính quản lý (thường dùng chi thường xuyên) và việc hình thành tài sản cố định (thường dùng chi đầu tư):</p> <p>- <i>Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý:</i> điểm c khoản 7 Điều 4 Thông tư 38/2025/TT-BKHCN quy định kinh phí chi cho hoạt</p>	<p>Các nội dung chi được hướng dẫn tại Nghị định và Thông tư còn trùng lặp, giao thoa giữa chi thường xuyên và chi đầu tư. Điều này gây khó khăn cho địa phương trong quá trình xây dựng dự toán, phân bổ</p>	<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>UBND thành phố Hà Nội</i></p>	<p>Khoản 4 Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định: “4. <i>Mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.</i>”</p> <p>Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng</p>



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và điểm b khoản 4 Điều 13 <b>Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025</b> của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</p>	<p>động đánh giá tổ chức khoa học công nghệ bao gồm cả việc "Chi xây dựng, cập nhật, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đánh giá". Việc xây dựng "hệ thống thông tin" này về bản chất có thể coi là một khoản đầu tư phát triển, nhưng lại được hướng dẫn trong nội dung chi quản lý thuộc nguồn chi thường xuyên.</p> <p>- <i>Đầu tư thông qua Quỹ phát triển</i>: điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định 263/2025/NĐ-CP quy định các tổ chức khoa học và công nghệ công lập được dùng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (được trích lập từ phần tiết kiệm của kinh phí chi thường xuyên) để "đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở</p>	<p>nguồn vốn và quyết toán kinh phí, làm chậm tiến độ triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p> <p>Đề nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 263/2025/NĐ-CP theo hướng thống nhất giữa Luật Ngân sách nhà nước, và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo;</p> <p>Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu,</p>		<p>mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác.</p> <p>Nội dung chi quy định tại điểm c khoản 7 Điều 4 Thông tư 38/2025/TT-BKHHCN “c) Chi xây dựng, cập nhật, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đánh giá;” bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p> <p>Như vậy, quy định pháp luật đã quy định các nhiệm vụ chi được sử dụng 2 nguồn ngân sách nhà nước (chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển).</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		vật chất; mua sắm trang thiết bị". Điều này tạo ra một cơ chế đầu tư từ nguồn gốc chi thường xuyên, làm mờ đi ranh giới giữa hai loại hình chi ngân sách.	điều chỉnh các Thông tư hướng dẫn nhằm làm rõ cơ cấu chi, nguồn chi và phương thức quản lý kinh phí cho từng loại nhiệm vụ; Bổ sung hướng dẫn cụ thể về cơ chế phối hợp giữa chi thường xuyên và chi đầu tư để tháo gỡ vướng mắc trong thực tiễn triển khai tại địa phương		
37.	- Tiểu điểm b3 điểm b khoản 2 Điều 4 và tiểu điểm c3 điểm c khoản 2 Điều 4 <b>Thông tư số</b>	Tại tiểu điểm b3 điểm b khoản 2 Điều 4 và tiểu điểm c3 điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN quy định nhiệm vụ do doanh nghiệp thực hiện	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử	Điểm a khoản 1 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định: “a) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do tổ chức, doanh nghiệp đề xuất theo định hướng ưu tiên hoặc yêu cầu cụ thể của Nhà nước để

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<b>39/2025/TT-BKHCN</b> ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	<p>thì ngân sách nhà nước không tài trợ kinh phí cho các nội dung chi quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP. Trong khi các quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP là quy định các khoản chi của doanh nghiệp dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.</p> <p>Như vậy có thể hiểu ngân sách nhà nước không tài trợ kinh phí cho các nội dung chi liệt kê tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP hay không? Nếu như vậy thì hầu như không còn nội dung nào có thể tài trợ cho doanh nghiệp được nữa, và điều này trái với chủ trương thúc đẩy</p>	VBQPPL năm 2025	<p>lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh (nếu có): <i>UBND thành phố Đà Nẵng</i></p>	<p>được xem xét tài trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí;”</p> <p>Điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư 39/2025/TT-BKHCN quy định: “c) <i>Ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí đối với các nội dung chi quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP để xét tài trợ thực hiện các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP</i>”. Do vậy, đối với những nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo xét tài trợ, ngân sách nhà nước chỉ bảo đảm một phần kinh phí và phần kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm không trùng lặp với phần chi của doanh nghiệp dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, lấy doanh nghiệp làm trọng tâm như nêu tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.			
38.	<p>- Điểm h khoản 2 Điều 3 và điểm h khoản 2 Điều 4 <b>Thông tư số 57/2025/TT-BKHCN</b> ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung chi cho hoạt động đầu tư.</p> <p>- Điểm e, g khoản 2 Điều 3, và điểm g, g khoản 2 Điều 4.</p>	<p>Trùng lặp trong hướng dẫn về đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin. Cùng một nội dung công việc (như xây dựng cơ sở dữ liệu, mua sắm phần mềm) lại xuất hiện song song ở cả hai nguồn vốn trong Thông tư số 57/2025/TT-BKHCN:</p> <p>1. Trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu:</p> <p>Tại Điều 3, Khoản 2, Điểm h (<b>sử dụng vốn đầu tư phát triển</b>): Chi thu thập, phân loại, đồng bộ dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu</p> <p>Tại Điều 4, Khoản 2, Điểm h (<b>sử dụng vốn chi thường</b></p>	<p>Các nội dung chi được hướng dẫn tại Thông tư còn trùng lặp, giao thoa giữa chi thường xuyên và chi đầu tư. Điều này gây khó khăn cho địa phương trong quá trình xây dựng dự toán, phân bổ nguồn vốn và quyết toán kinh phí, làm chậm tiến độ triển khai nhiệm vụ khoa học, công</p>	<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>UBND thành phố Hà Nội</i></p>	<p>1. Phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 57/2025/TT-BKHCN đó là:</p> <p>a) Nội dung chi của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước;</p> <p>b) Nội dung chi của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước.</p> <p>- Đối với nội dung chi của dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển: Tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP) có quy định về tổng mức đầu tư dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước. Theo đó, quy định tại Điều 3 của Thông tư số 57/2025/TT-BKHCN</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p><b>xuyên</b>): Quy định hoàn toàn tương tự về việc thu thập, phân loại và tạo lập cơ sở dữ liệu</p> <p>2. Mua sắm phần mềm và phần cứng:            Tại điều 3, Khoản 2, Điểm e và g (<b>sử dụng vốn đầu tư phát triển</b>): Chi mua sắm, lắp đặt mạng, phần cứng, phần mềm thương mại, phần mềm nội bộ.</p> <p>Tại Điều 4, Khoản 2, Điểm e và g (<b>sử dụng vốn chi thường xuyên</b>): Cũng cho phép chi mua sắm, lắp đặt các thiết bị mạng, phần cứng và phần mềm nội bộ tương đương.</p> <p>3. Triển khai và vận hành hệ thống:            Tại điều 3, Khoản 2, Điểm l và m (<b>sử dụng vốn đầu tư phát triển</b>): Chi triển khai, hỗ trợ vận hành sản phẩm; chi</p>	<p>nghệ và đổi mới sáng tạo.</p> <p>Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, điều chỉnh Thông tư hướng dẫn nhằm làm rõ cơ cấu chi, nguồn chi và phương thức quản lý kinh phí cho từng loại nhiệm vụ.</p>		<p>bám sát và tuân thủ quy định tại Điều 19 về tổng mức đầu tư của dự án.</p> <p>- Đối với nội dung chi của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên: Tại Điều 51a Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP) quy định trình tự, thủ tục đầu tư, quản lý chi phí, quản lý chất lượng của dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 6, Điều 8a và Mục 2 Chương II Nghị định này. Theo đó, tổng mức đầu tư của dự án chi thường xuyên hoàn toàn thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Nghị định.</p> <p>Do đó, quy định về nội dung chi tại Điều 4 Thông tư số 57/2025/TT-BKHCN có nội dung trùng lặp với nội dung chi quy định tại Điều 3 của Thông tư là hoàn toàn tuân thủ và phù hợp với quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, Nghị định số 82/2024/NĐ-CP.</p> <p>2. Bên cạnh đó, Luật Ngân sách Nhà nước (Điều 40) quy định một số hoạt động được sử dụng cả 02 nguồn gồm chi</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>dịch vụ đường truyền, internet, điện toán đám mây.</p> <p>Tại điều 4, Khoản 2, Điểm 1 và m (<i>sử dụng vốn chi thường xuyên</i>) Tiếp tục liệt kê các nội dung chi y hết cho việc triển khai, hỗ trợ quản trị và thuê dịch vụ số.</p>			<p>đầu tư phát triển và chi thường xuyên; trong đó bao gồm hoạt động <i>Mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.</i></p> <p>Do vậy, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, hiện nay được thay thế bởi Nghị định số 45/2026/NĐ-CP đã quy định quản lý đối với nội dung mua sắm tài sản, trang thiết bị CNTT sử dụng vốn chi thường xuyên và vốn chi đầu tư phát triển.</p> <p>Căn cứ các quy định nêu trên, do được phép sử dụng cả 02 nguồn, nên nội dung chi của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển sẽ trùng lặp với nội dung chi của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi</p>
39.	Khoản 29 Điều 3 <b>Thông tư 59/2025/TT-BKHCN</b> ngày	Khoản 29 Điều 3 Thông tư 59/2025/TT-BKHCN quy định: “29. Thiết bị X-quang	Bổ sung Thông tư 59/2025/TT-BKHCN	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý,	Theo khoản 29 Điều 3 Thông tư số 59/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về bảo đảm an toàn bức xạ và ứng phó

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về bảo đảm an toàn bức xạ và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân	chẩn đoán trong y tế là các thiết bị phát tia X được sử dụng để chiếu, chụp chẩn đoán bệnh, bao gồm: thiết bị X-quang chụp răng (thiết bị chụp răng toàn cảnh, thiết bị chụp sọ, thiết bị chụp răng sử dụng phim đặt sau huyệt ổ răng, chụp cắt lớp vi tính sử dụng chùm tia hình nón); thiết bị X-quang chụp vú; thiết bị X-quang di động; thiết bị X-quang đo mật độ xương; thiết bị chiếu, chụp X-quang tổng hợp; thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình; thiết bị chụp cắt lớp vi tính và các thiết bị khác dùng trong chẩn đoán.” Trước đây, theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Nghị định số 142/2020/NĐ-CP “4. Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế là việc sử dụng thiết bị phát tia X trong		tham mưu xử lý: Bộ Khoa học và Công nghệ - Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: UBND thành phố Đà Nẵng	sự cố bức xạ và hạt nhân: “Thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế là các thiết bị phát tia X được sử dụng để chiếu, chụp chẩn đoán bệnh, bao gồm: thiết bị X-quang chụp răng (thiết bị chụp răng toàn cảnh, thiết bị chụp sọ, thiết bị chụp răng sử dụng phim đặt sau huyệt ổ răng, chụp cắt lớp vi tính sử dụng chùm tia hình nón); thiết bị X-quang chụp vú; thiết bị X-quang di động; thiết bị X-quang đo mật độ xương; thiết bị chiếu, chụp X-quang tổng hợp; thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình; thiết bị chụp cắt lớp vi tính và các thiết bị khác dùng trong chẩn đoán”. Như vậy thiết bị X-quang thú y thuộc “thiết bị khác dùng trong chẩn đoán”, là thiết bị X-quang chẩn đoán y tế dùng trong chẩn đoán hình ảnh cho động vật (thú). Nhận định thiết bị X-quang tổng hợp bao gồm X-quang thú y là không chính xác, theo Thông tư số 28/2015/TT-BKHCN ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>chẩn đoán y tế, bao gồm thiết bị chụp X-quang tổng hợp, thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình, thiết bị X-quang răng, thiết bị X-quang vú, thiết bị X-quang di động, thiết bị chụp cắt lớp vi tính (trừ thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, SPECT (PET/CT, SPECT/CT)), thiết bị X-quang đo mật độ xương, thiết bị X-quang thú y.” Theo đó, thiết bị X-quang thú y là thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.</p> <p>Tuy nhiên, theo Nghị định số 332/2025/NĐ-CP và Thông tư số 59/2025/TT-BKHCN không đề cập loại hình thiết bị này, mặc dù về thực tế, thiết bị này là thiết bị X-quang tổng hợp.</p>			<p>với thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế, mục 1.3.1 của QCVN xác định thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế được phân biệt với thiết bị X-quang thú y.</p> <p>Việc xác định X-quang thú y là thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế nhất quán từ Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 (khoản 3 Điều 1) và sau đó là Nghị định số 142/2020/NĐ-CP. Hiện nay, cơ bản việc quản lý về an toàn bức xạ được áp dụng chung cho thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.</p>
40.	<b>Thông tư số 39/2025/TT-BQP</b>	Thiếu tiêu chuẩn quốc gia về sản xuất UAV		- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ	a) Đối với ý kiến “Thiếu tiêu chuẩn quốc gia về sản xuất UAV”



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	ngày 05/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác	Bộ Quốc phòng đã ban hành Thông tư 39/2025/TT-BQP về Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác đã liệt kê các bộ tiêu chuẩn quốc tế như ISO, ASTM nhưng: (i) Chưa có TCVN cụ thể cho UAV Việt Nam; (ii) Nhiều tiêu chuẩn quốc tế được viện dẫn đã hết hạn hoặc lỗi thời; và (iii) Không xác định tiêu chuẩn theo từng phân khúc như drone dân dụng, công nghiệp, logistics, quân sự, an ninh.... Do vậy, doanh nghiệp không biết áp dụng tiêu chuẩn nào khi thiết kế - thử nghiệm - đánh giá chất lượng, cản trở việc hình thành ngành công nghiệp UAV nội địa do không thể cấp phép sản xuất vì không biết dựa vào tiêu chuẩn nào.		trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin</i>	(i) “ <i>Chưa có TCVN cụ thể cho UAV Việt Nam</i> ”: Kiến nghị chưa bám sát quy định hiện hành. Tại Mục 2.1 Phụ lục I Thông tư số 39/2025/TT-BQP về Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác ( <i>gọi tắt là Thông tư số 39/2025/TT-BQP</i> ) đã quy định và hướng dẫn cụ thể cơ chế áp dụng tiêu chuẩn đối với hoạt động thiết kế, chế tạo, sản xuất, lắp ráp UAV tại Việt Nam. Đồng thời, pháp luật cho phép áp dụng trực tiếp tiêu chuẩn quốc tế, khu vực hoặc tiêu chuẩn nước ngoài làm hệ quy chiếu kỹ thuật. Kết luận không tồn tại “khoảng trống tiêu chuẩn” như phản ánh. (ii) “ <i>Tiêu chuẩn quốc tế viện dẫn lỗi thời</i> ”: Bộ tiêu chuẩn trong Thông tư 39 được xây dựng trên nền tảng ISO (chuẩn quốc tế cốt lõi) được cập nhật mới nhất ở thời điểm xây dựng và ban hành (05/6/2025); hiện các nước có nền công nghiệp UAV mạnh nhất thế giới như Mỹ, Trung Quốc, EU và Nga vẫn đang áp dụng; các tiêu chuẩn ASTM, GOST

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Hiện nay, chưa có quy định về việc thế nào là UAV sản xuất tại Việt Nam (tỷ lệ nội địa hóa, thiết kế, phần mềm, linh kiện...); cơ chế cấp CO cho UAV xuất khẩu; quy trình xin phép Bộ Quốc phòng khi xuất khẩu UAV còn phức tạp, dẫn đến tắc nghẽn xuất khẩu dù sản phẩm có thể đủ tiêu chuẩn. Điều này làm hạn chế khả năng cạnh tranh của UAV Việt Nam trên thị trường quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu UAV logistics và công nghiệp toàn cầu tăng nhanh.			<p>được bổ sung trong Thông tư số 39/2025/TT-BQP với mục đích để mở rộng lựa chọn thị trường và linh hoạt trong hoạt động nghiên cứu phát triển UAV trong nước, đồng thời thực hiện hóa chủ trương sẵn sàng hợp tác với tất cả các nước trên thế giới. Vì vậy, nhận định “lỗi thời” là không phù hợp, thậm chí cập nhật mới nhất và có tính mở rộng để định hướng phát triển.</p> <p>(iii) “<i>Không phân theo phân khúc (dân dụng, logistics, công nghiệp...)</i>”: Pháp luật hiện hành áp dụng cách tiếp cận quản lý theo mức độ rủi ro (risk-based) và hậu kiểm nhằm tăng tính linh hoạt và khuyến khích chủ động sáng tạo, phân loại theo thông số kỹ thuật ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn bay (khối lượng, trần bay, phương thức điều khiển...), phù hợp chuẩn mực ICAO, FAA, EASA. Không phân theo “tên gọi thị trường” là cách tiếp cận khoa học, thực hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước, không phải thiếu sót.</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					<p>(iv) “Doanh nghiệp không biết áp dụng tiêu chuẩn nào”: Mục 2.1 Thông tư số 39/2025/TT-BQP đã thiết lập cơ chế áp dụng tiêu chuẩn quốc tế ISO 21384-2:2021 hoặc ASTM hoặc FAA (Mỹ), Gost (Nga) hoặc GB (Trung Quốc) hoặc áp dụng chứng minh miễn trừ (Phụ lục 1/Mục 1.5). Doanh nghiệp có thể áp dụng bất cứ tiêu chuẩn nào, cuối cùng có thể chuyển áp dụng Mục 1.5, áp dụng miễn trừ thông qua chứng minh thông qua kiểm tra trực tiếp với Cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng/Bộ Quốc phòng (06 tiêu chuẩn tối thiểu về an toàn bay). Như vậy hành lang áp dụng tiêu chuẩn đã đầy đủ, minh bạch và rất linh hoạt.</p> <p>Về bổ sung làm rõ tiêu chuẩn ISO 21384-2:2021 không đánh giá chung UAV mà chia nhỏ theo từng thành phần hệ thống (Flight Control, C2 Link, GCS, Payload...), đồng thời tham chiếu các chuẩn hàng không nghiêm ngặt như RTCA DO-178C (phần mềm), ICAO Doc 9683 (yếu tố con người). Đây là</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					<p>khung đánh giá toàn diện, không thể coi là rào cản mà là chuẩn an toàn tối thiểu.</p> <p>b) Đối với nhóm ý kiến về “Made in Vietnam, C/O, xuất khẩu UAV”</p> <p>(i) “Chưa có quy định UAV sản xuất tại Việt Nam (nội địa hóa...)”: Nội dung này thuộc phạm vi Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa, do Bộ Công Thương quản lý. Đề nghị đưa vào Thông tư số 39/2025/TT-BQP là không đúng thẩm quyền.</p> <p>(ii) “Cơ chế cấp C/O cho UAV”: Thuộc hệ thống pháp luật về xuất xứ hàng hóa và thương mại quốc tế, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ Quốc phòng.</p> <p>(iii) “Quy trình xin phép Bộ Quốc phòng khi xuất khẩu phức tạp”: Thông tư 39/2025/TT-BQP không điều chỉnh hoạt động xuất khẩu; việc xuất khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật thương mại và yêu cầu của thị trường nhập khẩu.</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					Nhận định “tắc nghẽn do Thông tư số 39/2025/TT-BQP” là không có cơ sở.
41.	Khoản 19 Điều 11 <b>Thông tư 60/2025/TT-BCT</b> ngày 02/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện	<p>Khoản 19 Điều 11 Thông tư 60/2025/TT-BCT quy định</p> <p><b>Điều 11. Giá bán lẻ điện cho mục đích kinh doanh khác</b></p> <p>Giá bán lẻ điện cho mục đích kinh doanh khác áp dụng đối với bên mua điện sử dụng điện cho mục đích kinh doanh, dịch vụ bao gồm:</p> <p>19. Cơ sở cung cấp dịch vụ xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu tập trung;</p> <p>=&gt; Giá bán điện đối với Trung tâm dữ liệu được áp dụng theo giá bán lẻ điện cho mục đích kinh doanh</p> <p>Trước khi có Thông tư số 60/2025/TT-BCT, giá bán điện đối với Trung tâm dữ liệu được tính là giá điện sản xuất (áp dụng theo quy định</p>	Sửa đổi Thông tư 60/2025/TT-BCT theo hướng bỏ khoản 19 Điều 11.	<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Công Thương</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Tập đoàn Viettel</i></p>	<p>Quy định tại khoản 19 Điều 11 Thông tư số 60/2025/TT-BCT không tạo gánh nặng chi phí tuân thủ và không gây hạn chế sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.</p> <p>Để đáp ứng thực tiễn, căn cứ ý kiến của một số doanh nghiệp, hiệp hội về việc cần quy định cụ thể giá bán lẻ điện áp dụng cho trung tâm dữ liệu (TTDL), Bộ Công Thương đã bổ sung quy định về việc áp giá cho “<i>Cơ sở cung cấp dịch vụ xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu tập trung</i>” tại khoản 19 Điều 11 Thông tư số 60/2025/TT-BCT. Quy định này được xây dựng trên cơ sở quy định tại Luật Viễn thông 2023 và Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, theo đó TTDL của một doanh nghiệp là cơ sở vật chất lưu trữ và xử lý dữ liệu số cho chính doanh nghiệp đó để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>tại khoản 9 Điều 7 Thông tư số 16/2014/TT-BCT)</p> <p>⇒ Việc điều chỉnh tăng giá bán điện từ giá sản xuất sang giá điện kinh doanh làm tăng hơn 50% chi phí cho các doanh nghiệp kinh doanh trung tâm dữ liệu. Điều này chưa phù hợp với định hướng, chủ chương của Nghị quyết 57: “<i>Có cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây...</i>”</p> <p>Quy định của Thông tư số 60 cũng chưa phù hợp với Luật Viễn thông và Luật Chuyển đổi số. Cụ thể:</p> <p>Theo khoản 23 Điều 3 Luật Viễn thông quy định: “<i>Trung tâm dữ liệu là công trình viễn thông, bao gồm nhà, trạm, hệ thống cáp, hệ thống máy tính và hệ thống</i></p>			<p>doanh nghiệp hoặc cũng có thể cung cấp dịch vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác.</p> <p>Như vậy, tại khoản 19 Điều 11 Thông tư số 60/2025/TT-BCT quy định “<i>Cơ sở cung cấp dịch vụ xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu tập trung</i>” thì áp dụng giá bán lẻ điện theo mục đích kinh doanh; nếu TTDL phục vụ mục đích của chính doanh nghiệp đó mà không cung cấp dịch vụ xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu cho bên thứ ba thì sẽ áp dụng giá theo mục đích tại Hợp đồng mua bán điện của doanh nghiệp; trường hợp TTDL được đầu tư để phục vụ mục đích của doanh nghiệp và có một phần cung cấp dịch vụ xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu cho bên thứ ba thì sẽ được áp giá bán lẻ điện theo mục đích sử dụng điện căn cứ việc thỏa thuận tỷ lệ sản lượng điện sử dụng cho từng mục đích theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư số 60/2025/TT-BCT. Việc quy định nêu trên là phù hợp với định hướng, chỉ đạo tại Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>điện cùng các thiết bị phụ trợ được lắp đặt vào đó để xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu của một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân”</p> <p>Và khoản 9 Điều 3 Luật Viễn thông cũng quy định dịch vụ trung tâm dữ liệu là dịch vụ viễn thông.</p> <p>Theo khoản 2 Điều 3 Luật Chuyển đổi số quy định trung tâm dữ liệu là một bộ phận của hạ tầng số. Khoản 1 Điều 23 Luật Chuyển đổi số cũng quy định: “Cơ quan quản lý nhà nước về điện lực chủ trì xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển điện lực quốc gia để bảo đảm đáp ứng nguồn điện xanh, sạch, bảo đảm dự phòng cho các trung tâm dữ liệu; chỉ đạo các đơn vị điện lực ưu tiên bố trí</p>			<p>20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 về việc không bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng.</p> <p>Bộ Công Thương đã nhận được kiến nghị của một số doanh nghiệp viễn thông về việc áp dụng giá điện cho TTDL và hiện đang nghiên cứu để hướng dẫn thực hiện cho phù hợp.</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		nguồn điện ổn định, chất lượng cao tại các khu vực được quy hoạch phát triển trung tâm dữ liệu, phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, Chiến lược hạ tầng số và quy hoạch tỉnh”			
42.	Chưa có quy định pháp luật	<p>Mặc dù doanh nghiệp được trích lập quỹ, nhưng các điều khoản sử dụng lại khắt khe.</p> <p>- Bất cập:</p> <p>+ Mức trích 10% có thể lớn, nhưng giới hạn 5% thu nhập tính thuế để đầu tư khởi nghiệp là quá thấp đối với các thương vụ M&amp;A công nghệ lớn.</p> <p>+ Giá trị các thương vụ Đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam giảm 30% trong năm 2025. Doanh nghiệp nhà nước có Quỹ khoa học công nghệ rất lớn (hàng chục nghìn tỷ) nhưng không được phép</p>		<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin</i></p>	<p>Bản chất của Quỹ khoa học công nghệ không phải là công cụ để thực hiện các thương vụ M&amp;A quy mô lớn. Những giao dịch như vậy nên được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư, vốn kinh doanh, quỹ đầu tư chuyên biệt, công ty con đầu tư, quỹ đầu tư mạo hiểm chuyên trách, hoặc cơ chế đồng đầu tư riêng do pháp luật chuyên ngành điều chỉnh.</p> <p>Việc giới hạn tỷ lệ 5% cũng nhằm kiểm soát rủi ro đối với hoạt động đầu tư mạo hiểm, vốn có mức độ rủi ro cao, thời gian thu hồi vốn dài, nhất là đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sử dụng nguồn lực công.</p> <p>Các tập đoàn lớn có thể đầu tư mạo hiểm thông qua thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh</p>



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>dùng để đầu tư mạo hiểm vào startup.</p> <p><b>- Phân tích:</b></p> <p>+ Thiếu hành lang cho đầu tư mạo hiểm: Hiện chưa có hướng dẫn để doanh nghiệp nhà nước dùng quỹ này hình thành các Quỹ đầu tư mạo hiểm (Venture Capital) chuyên nghiệp. Điều này khiến dòng vốn của các tập đoàn lớn như PVN, EVN không thể chảy vào hệ sinh thái khởi nghiệp một cách chính thống.</p> <p>+ Nghị định 264/2025/NĐ-CP về Quỹ Đầu tư mạo hiểm quốc gia là bước tiến, nhưng cần thông tư hướng dẫn để doanh nghiệp nhà nước có thể "thoái vốn" mà không bị coi là làm thất thoát tài sản nhà nước khi startup đó phá sản.</p>			<p>ng nghiệp hoặc góp vốn vào Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia hoặc quỹ đầu tư mạo hiểm của các địa phương.</p> <p>Nghị định 264/2025/NĐ-CP đã đủ chi tiết để có thể được triển khai mà không cần thông tư hướng dẫn. Theo Nghị định này, Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương là doanh nghiệp, do đó việc “thoái vốn” do quỹ (doanh nghiệp) thực hiện theo chiến lược đầu tư, kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp phù hợp với Điều lệ quỹ và nhu cầu của thị trường, không phải thoái vốn theo cơ chế hành chính.</p> <p>Quy định về tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán chuyên biệt cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đã được quy định trong Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Điều 40). Chính phủ đã giao Bộ Tài chính chủ trì quy định chi tiết nội dung này và quy định điều kiện đặc thù cho đăng ký giao dịch, niêm yết cổ phiếu của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Dự kiến</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Nghiên cứu xây dựng quy định công nhận "Khoản đầu tư mạo hiểm là chi phí R&D" của doanh nghiệp để được khấu trừ thuế. Thành lập Sàn chứng khoán chuyên biệt để tạo lối thoát dễ dàng hơn cho các nhà đầu tư.			văn bản hướng dẫn ban hành trong năm 2026
43.	Chưa có quy định pháp luật	<p>Chưa có quy định về quản lý dữ liệu bay UAV - Thiếu UTM quốc gia:</p> <p>Hiện chưa có quy định: (i) Bắt buộc ghi nhận và truyền dữ liệu log (hành trình bay, mục đích bay, độ cao, vị trí, payload...); (ii) Cơ chế giám sát thời gian thực để đối chiếu với tọa độ trong giấy phép bay của Cục Tác chiến; (iii) Kiểm soát luồng dữ liệu để tránh thất thoát dữ liệu lớn ra nước ngoài. Do đó, cần triển khai Hệ thống Quản lý và Điều phối UAV quốc gia (UTM Việt Nam) với biện</p>		<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Quốc phòng</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin</i></p>	<p>a) Nhận định “chưa có quy định” là không chính xác:</p> <p>Nghị định số 288/2025/NĐ-CP đã quy định quản lý hoạt động bay theo cấp phép, vùng bay, độ cao, thời gian và mục đích bay, là cơ sở kiểm soát toàn bộ dữ liệu bay.</p> <p>Thông tư số 39/2025/TT-BQP (<i>Phụ lục I</i>) đã quy định trực tiếp: Mục 2.10: Yêu cầu mô-đun an ninh (bảo vệ và kiểm soát dữ liệu); Mục 3.4: Nhận dạng từ xa (Remote ID); Mục 3.5: Giám sát tuân thủ, an toàn, bảo mật và quyền riêng tư.</p> <p>Hệ thống yêu cầu về ghi nhận, nhận dạng, giám sát và bảo mật dữ liệu bay đối với hệ thống UTM đã được thiết lập, không tồn tại “khoảng trống pháp lý”.</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>pháp kỹ thuật có thể khả thi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tất cả UAV phải gắn thiết bị truyền dữ liệu 4G/5G/5G-A (tham khảo giải pháp như công ty XBLink tại Đà Nẵng đã cung cấp cho các đối tác quốc tế);</li> <li>- Dữ liệu bắt buộc truyền qua nhà mạng Việt Nam;</li> <li>- Máy chủ (server) dữ liệu đặt trong nước, tương tự quy định cho Facebook, Telegram, Tiktok...;</li> <li>- Tự động đổi chiều vùng cấm bay, hành lang bay, Remote ID quốc gia.</li> <li>- Kiên quyết không truyền log file về thì không cho phép cất cánh. Điều này là nền tảng để đảm bảo an ninh - an toàn</li> <li>- chủ quyền không gian số tầm thấp.</li> </ul>			<p>b) UTM quốc gia đã có định hướng và đang triển khai</p> <p>Quyết định số 2815/QĐ-TTg ngày 28/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt “Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai ngay” đã xác định rõ các nội dung ưu tiên: UTM quốc gia, định danh điện tử (Remote ID/chip), quản lý dữ liệu bay, khu bay thử nghiệm. Vấn đề hiện nay là triển khai theo lộ trình kỹ thuật, không phải chưa có chủ trương hay cơ sở pháp lý.</p> <p>c) Đề xuất áp đặt giải pháp kỹ thuật là không phù hợp</p> <p>Việc bắt buộc 4G/5G/5G-A, server trong nước, truyền dữ liệu qua một hạ tầng duy nhất là áp đặt công nghệ, không phù hợp với thực tế đa dạng của hoạt động UAV (ngoài vùng phủ sóng, nhiệm vụ đặc thù...). Yêu cầu “không truyền log thì không cho cất cánh” là cách tiếp cận cực đoan, phi thực tiễn, đi ngược nguyên tắc quản lý theo mức độ rủi ro.</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		- Chưa có quy định về xác định rõ phạm vi bay, độ cao, hành lang hay giới hạn rủi ro.			<p>d) Về kiểm soát dữ liệu và chủ quyền số</p> <p>Nguyên tắc an ninh dữ liệu, nhận dạng, giám sát đã được tích hợp trong Thông tư 39/2025/TT-BQP. Các nội dung như lưu trữ dữ liệu trong nước, truyền qua hạ tầng viễn thông phải được điều chỉnh đồng bộ với pháp luật về an ninh mạng, viễn thông, dữ liệu, không thể quy định đơn lẻ trong quản lý UAV.</p> <p>đ) Về phạm vi bay, hành lang và giới hạn rủi ro</p> <p>Nghị định số 288/2025/NĐ-CP đã quy định cấp phép bay theo khu vực, độ cao, thời gian, bảo đảm kiểm soát không phận. Việc tự động hóa giám sát, đối chiếu dữ liệu sẽ được tích hợp trong hệ thống UTM, không phải là khoảng trống pháp lý.</p>
44.	Chưa có quy định pháp luật	Điều 7 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP quy định Hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh		- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử	<p>Bộ Quốc phòng không thống nhất với kiến nghị điều chỉnh theo hướng nói lỏng, ưu đãi riêng đối với nhập khẩu linh kiện UAV, với các nội dung sau:</p> <p>a) Quy định hiện hành đã có phân loại và cơ chế quản lý rõ ràng: Điều 7 Nghị</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay. Tuy nhiên, đối với trường hợp nhập khẩu phục vụ thương mại với quy mô lớn, cần nghiên cứu quy trình cấp phép theo hướng tối ưu hóa (xác định rõ nội dung nào cần quản lý chặt và nội dung nào có thể đơn giản hóa), từ đó thiết kế cơ chế quản lý phù hợp theo từng giai đoạn của lộ trình phát triển ngành. Bên cạnh đó, trong thực tế nhiều linh kiện và bộ phận cấu thành của phương tiện bay hiện vẫn phải nhập khẩu để phục vụ hoạt động lắp ráp và sản xuất trong nước do Việt Nam chưa có năng lực sản xuất các linh kiện này. Vì vậy, cần phân loại rõ nhóm linh kiện đầu vào phục vụ sản xuất để áp dụng cơ chế quản lý linh hoạt hơn, tránh gây gián đoạn		lý: <i>Bộ Quốc phòng</i> - Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin</i>	định số 288/2025/NĐ-CP quy định hồ sơ cấp phép nhập khẩu đối với phương tiện bay, động cơ, cánh quạt và trang bị, thiết bị nhằm kiểm soát các thành phần có ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh, an toàn. Đồng thời, Phụ lục II Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ban hành Danh mục trang bị, thiết bị của phương tiện bay, là cơ sở để phân loại và áp dụng quản lý phù hợp. Như vậy không đúng là “chưa phân loại” như phản ánh. b) Không thể áp dụng cơ chế nói lỏng theo hướng ưu đãi riêng: Các linh kiện, bộ phận UAV có thể mang tính lưỡng dụng (dual-use), tác động trực tiếp đến an ninh, quốc phòng. Việc đề xuất cơ chế “đơn giản hóa, ưu đãi riêng” nếu không kiểm soát chặt sẽ tạo khe hở quản lý, tiềm ẩn rủi ro về an ninh và kiểm soát công nghệ. Không phù hợp với nguyên tắc quản lý nhà nước trong lĩnh vực không phận. Đồng thời Thông tư số 39/2025/TT-BQP đã áp dụng linh hoạt tất cả các tiêu chuẩn trên thế giới ở thời

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>chuỗi cung ứng và làm tăng chi phí cho doanh nghiệp trong nước.</p> <p>Đề xuất cơ chế đơn giản, ưu đãi hơn trong việc nhập khẩu nhóm linh kiện đầu vào phục vụ sản xuất thiết bị bay =&gt; đáp ứng kịp thời chuỗi cung ứng”.</p>			<p>điểm ban hành, doanh nghiệp cần nghiên cứu kỹ để áp dụng phù hợp.</p> <p>c) Quy định hiện hành không gây gián đoạn chuỗi cung ứng</p> <p>Nghị định số 288/2025/NĐ-CP và Thông tư số 146/2025/TT-BQP không cấm nhập khẩu linh kiện phục vụ sản xuất, mà yêu cầu thực hiện theo quy trình cấp phép để bảo đảm kiểm soát. Việc doanh nghiệp phụ thuộc vào linh kiện nhập khẩu là thực tế, tuy nhiên không phải căn cứ để giảm chuẩn quản lý, đây là định hướng “dùng tiêu chuẩn dẫn dắt sự phát triển” theo tinh thần của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.</p> <p>d) Hướng tiếp cận phù hợp là tối ưu quy trình, không hạ chuẩn</p> <p>Có thể nghiên cứu đơn giản hóa thủ tục hành chính, số hóa quy trình, rút ngắn thời gian xử lý, đặc biệt đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt. Tuy nhiên, không đặt vấn đề miễn giảm điều kiện quản lý đối với nhóm linh kiện nhạy cảm và tăng cường hậu kiểm.</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
45.	Chưa có quy định pháp luật	Chính sách đột phá về khấu trừ thuế cho đầu tư R&D: Đối với các dự án xây dựng phòng thí nghiệm (Lab) quy mô lớn mang tính lan tỏa, kiến nghị Nhà nước cho phép các doanh nghiệp đang có lợi nhuận, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế được khấu trừ trực tiếp từ 20% đến 50% chi phí đầu tư vào kỳ thuế ngay lập tức để tạo động lực. Đi kèm với đó là thiết lập các thước đo (KPI) minh bạch như: chuẩn quốc tế của phòng Lab, đội ngũ chuyên gia, bằng sáng chế và sản phẩm thương mại. Thực hiện hậu kiểm định kỳ 2-3 năm, nếu không đạt sẽ thu hồi ưu đãi.		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Tài chính</i></li> <li>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin</i></li> </ul>	<p>Điều 1 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 quy định về phạm vi điều chỉnh, bao gồm: “Luật này quy định về người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp”.</p> <p>Nội dung đề xuất doanh nghiệp được khấu trừ trực tiếp từ 20% đến 50% chi phí đầu tư vào kỳ thuế trước khi nộp ngân sách nhà nước không phải nội dung liên quan đến doanh thu, chi phí, thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp hay ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Do đó, nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.</p> <p>Mặt khác, trường hợp trong kỳ tính thuế mà doanh nghiệp bị lỗ thì sẽ không phát sinh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp để được khấu trừ như đề xuất. Bên cạnh đó, trường hợp các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ, công nghệ cao thì theo</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ít nhất cũng ở mức miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo nên sẽ không phát sinh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong thời gian được miễn thuế.
46.	Chưa có quy định pháp luật	Thành lập Quỹ đầu tư trọng điểm cấp cao: Kiến nghị thành lập một quỹ đặc biệt do Thủ tướng hoặc cấp cao hơn trực tiếp làm chủ tịch, tập trung đầu tư nhanh, minh bạch vào các ngành và doanh nghiệp mũi nhọn đã được thẩm định kỹ. Nguồn vốn này chỉ nên giải ngân thông qua các ngân hàng thương mại Nhà nước (như Vietcombank, VietinBank, BIDV, Agribank, Ngân hàng Phát triển) để đảm bảo tính minh bạch, tránh tình trạng doanh nghiệp khó tiếp cận nếu		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương</i></li> <li>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin</i></li> </ul>	Việc thành lập Quỹ đầu tư trọng điểm cấp cao có nguy cơ chồng chéo với các quỹ hiện có. Hiện nay đã tồn tại một số công cụ tài chính của Nhà nước hỗ trợ đầu tư và phát triển như: Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia; Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và đang xây dựng Quỹ phát triển trí tuệ nhân tạo.



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		không có "mối quan hệ" như ở một số ngân hàng thương mại cổ phần.			
47.	Chưa có quy định pháp luật	<p>- Về vấn đề pháp lý của dữ liệu trong chuyển đổi số: Hiện nay chưa có các quy định chi tiết về cơ chế sở hữu, chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa các bên, cũng như chưa xác định rõ quyền lợi tương đương khi tham gia đóng góp dữ liệu.</p> <p>Kiến nghị: Các đơn vị tham gia đóng góp, làm giàu cho cơ sở dữ liệu quốc gia cần được cấp phép khai thác, tra cứu lại các dữ liệu đó nhằm giúp đơn vị giảm bớt các thủ tục hành chính.</p> <p>- Tồn tại, vướng mắc:</p> <p>+ Thiếu khung pháp lý về dữ liệu: Chưa rõ ràng về cơ chế chia sẻ dữ liệu công – tư, quyền sở hữu dữ liệu và chuẩn dữ liệu thống nhất.</p>		<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Công an</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin</i></p>	<p>- Luật Dữ liệu đã quy định về chủ sở hữu dữ liệu, quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu dữ liệu, trong đó xác định rõ các quyền cơ bản như quyền quản lý, khai thác, chia sẻ, cho phép sử dụng dữ liệu và quyền quyết định việc cung cấp dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Luật cũng quy định về quản trị, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu, tạo cơ sở pháp lý cho việc sử dụng và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số và Chính phủ số. Bên cạnh đó, Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu đã làm rõ hơn các nội dung liên quan đến quản lý, chia sẻ, khai thác và công khai dữ liệu, trong đó có các quy định về: phân loại dữ liệu; công khai dữ liệu; cung cấp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>+ Khó đánh giá hiệu quả chuyển đổi số: Cơ chế doanh nghiệp nhà nước yêu cầu chứng minh hiệu quả tài chính trực tiếp trong khi hiệu quả chuyển đổi số thường mang tính gián tiếp hoặc dài hạn.</p> <p><b>Phương án:</b></p> <p>+ Ban hành chuẩn dữ liệu quốc gia và cho phép doanh nghiệp kết nối API với dữ liệu công có kiểm soát.</p> <p>+ Hình thành các Trung tâm kiểm định đánh giá sản phẩm chuyển đổi số và ban hành bộ tiêu chí KPI.</p>			<p>quan nhà nước; quyền và trách nhiệm của các chủ thể tham gia quản lý, khai thác dữ liệu; hỗ trợ chủ sở hữu dữ liệu thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan nhà nước; cũng như cơ chế tổ chức thực hiện và quản trị dữ liệu trong hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước. Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị. Như vậy, các vấn đề pháp lý liên quan đến chủ sở hữu dữ liệu, quyền đối với dữ liệu, chia sẻ và khai thác dữ liệu đã được quy định đầy đủ trong hệ thống pháp luật hiện hành.</p> <p>+ Về chuẩn dữ liệu thống nhất: Bộ Công an đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 2439/QĐ-TTg ngày 4/11/2025 ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia; Khung quản lý, quản trị dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung. Bộ trưởng Bộ Công an cũng đã ban hành Thông tư số 08/2025/TT-BCA ngày 05/02/2025 ban</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia. Trên cơ sở các quy định trên, các đơn vị phải bảo đảm kết nối dữ liệu theo chuẩn chung, phù hợp với Kiến trúc dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung.
48.	Chưa có quy định pháp luật	<p>Trong chuyển đổi số, dữ liệu là tài sản nhưng cơ chế chia sẻ lại chưa rõ ràng.</p> <p>- Vướng mắc:</p> <p>+ Chưa có quy định phân loại dữ liệu nào là "công cộng", dữ liệu nào là "chia sẻ có thu phí" và dữ liệu nào là "bảo mật" giữa khối công và khối tư. Dẫn đến cơ quan quản lý nhà nước, chủ thể dữ liệu, sử dụng dữ liệu rất lúng túng và không biết phải triển khai như thế nào?</p> <p>+ "Trên nóng, dưới lạnh" trong chuyển đổi số. Các Bộ ngành xây dựng cơ sở dữ liệu</p>		<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin</i></p>	<p>Luật Dữ liệu quy định: “Dữ liệu mở là dữ liệu mà mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đều được tiếp cận, chia sẻ, khai thác, sử dụng”. Nghị định số 165/2025/NĐ-CP quy định rõ việc công khai dữ liệu mở được thực hiện ngay sau khi dữ liệu được phân loại là dữ liệu mở. Chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu thực hiện công khai dữ liệu mở dưới hình thức: Cổng dữ liệu quốc gia; các cổng dữ liệu mở, cổng thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương và các hệ thống, nền tảng khác; các hệ thống trung gian phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhà nước xây dựng, triển khai quyết định công bố dữ liệu mở, trong đó xác định danh mục dữ liệu</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>riêng biệt nhưng không "nói chuyện" được với nhau.</p> <p>- Khó khăn thực tế: Doanh nghiệp không thể kết nối API với dữ liệu quốc gia để phát triển dịch vụ mới do thiếu chuẩn dữ liệu thống nhất và cơ chế định giá dữ liệu.</p> <p>Đẩy mạnh thực thi Chiến lược Dữ liệu quốc gia, ban hành danh mục "Dữ liệu mở bắt buộc" đối với các cơ quan công quyền. Áp dụng cơ chế "Sandbox Dữ liệu" cho các lĩnh vực ưu tiên như Nông nghiệp, Y tế, đất đai, tư pháp,...</p>			<p>mở công bố, cơ chế thu thập, phân tích thông tin phản hồi của cá nhân, tổ chức về việc sử dụng dữ liệu mở; đánh giá chất lượng, tính khả dụng, việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến dữ liệu mở. Đối với dữ liệu được chia sẻ mở, tổ chức, doanh nghiệp có thể tiếp cận qua Cổng dữ liệu quốc gia, Cổng thông tin điện tử bộ ngành... để khai thác, sử dụng.</p>
49.	Chưa có quy định	Về triển khai dự án đầu tư công trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, tỉnh Quảng Ninh đã dành nguồn lực trên 3% chi ngân sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo,	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i>	<p>(1) Về định mức chi phí tư vấn và chi phí quản lý dự án đối với các dự án mua sắm máy móc, thiết bị nghiên cứu</p> <p>Theo quy định tại điểm e, khoản 4, Điều 28, Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công: “Chi phí tư vấn được xác định theo công việc</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>chuyển đổi số, trong đó có cho đầu tư phát triển lĩnh vực này. Tỉnh Quảng Ninh đã triển khai 08 dự án (04 dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, 04 dự án thuộc lĩnh vực chuyển đổi số). Tuy nhiên quá trình xây dựng, trình phê duyệt chủ trương đầu tư gặp rất nhiều khó khăn cụ thể:</p> <p>(1) Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&amp;CN) hầu hết đầu tư máy móc, thiết bị nghiên cứu mới cho phòng thử nghiệm, thí nghiệm không có nội dung xây dựng công trình. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chủ yếu quy định định mức chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đối với các dự án đầu tư xây dựng, chưa có hướng dẫn riêng đối với các dự án đầu tư</p>		<p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: UBND tỉnh Quảng Ninh</p>	<p>tư vấn của dự án tương tự đã thực hiện hoặc xác định bằng ước tính theo từng khoản chi cho việc tư vấn theo định mức (nếu có) hoặc giá cả thị trường;”</p> <p>Với đặc thù lĩnh vực KHCN, các trang thiết bị, hệ thống máy móc thiết bị đa dạng, thay đổi nhanh, mỗi loại hình máy móc, thiết bị yêu cầu thời gian quy trình lắp đặt, vận hành khác nhau nên việc xây dựng định mức chi phí là không khả thi. Chủ đầu tư căn cứ tính chất của dự án, kế hoạch triển khai để xác định các chi phí tư vấn theo giá cả thị trường hoặc lập dự toán chi tiết theo từng hạng mục công việc để triển khai.</p> <p>(2) Về tiêu chuẩn định mức máy móc chuyên dùng</p> <p>Theo quy định tại khoản 5 và khoản 7 Điều 26 Luật quản lý, sử dụng tài sản công :</p> <p>“5. Căn cứ quy định của cơ quan, người có thẩm quyền tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>thiết bị KH&amp;CN nên <u>khó xác định tổng mức đầu tư</u>;</p> <p>(2) <u>Khó khăn về việc xác định được căn cứ, tiêu chuẩn, định mức</u> đối với danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng: Các đề xuất về danh mục máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đều là các đề xuất đột phá, có tính mới. Tuy nhiên hiện nay chưa có các văn bản hướng dẫn hiện hành từ các cơ quan quản lý nhà nước chỉ lĩnh vực này để làm căn cứ, so sánh và đối chiếu;</p> <p>(3) <u>Trình tự thủ tục phê duyệt dự án đầu tư công rất dài không phù hợp với dự án KHCN, ĐMST, CDS cần nhanh để bảo đảm tính mới của công nghệ.</u></p>			<p>quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.</p> <p>7. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công tại đơn vị mình, trừ tiêu chuẩn, định mức diện tích làm việc, xe ô tô, máy móc, thiết bị của các chức danh quản lý”</p> <p>- Tại điểm d và e Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg</p> <p>“đ) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật khác có liên quan đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương; trừ trường hợp quy định tại điểm d, điểm e khoản này.</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					<p>e) Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đối với trường hợp không có Hội đồng quản lý) quyết định đối với đơn vị mình.”</p> <p>Như vậy, hiện nay pháp luật đã phân quyền thẩm quyền quyết định về cho chính quyền địa phương, việc xác định máy móc thiết bị phụ thuộc và nhu cầu đặc thù của mỗi ngành, địa phương và do chính quyền địa phương quyết định.</p> <p>(3) Về trình tự phê duyệt dự án</p> <p>Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất với nhận định rằng các dự án trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (KH-CN, ĐMST) và chuyển đổi số (CDS) có đặc thù yêu cầu tính kịp thời, nhanh chóng, gắn với chu kỳ công nghệ ngắn và tốc độ thay đổi nhanh. Do đó, việc kéo dài quy trình đầu tư có thể làm mất cơ hội công nghệ.</p> <p>Tuy nhiên, theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2024, việc quản lý, phê duyệt dự án đầu tư công cần bảo đảm chặt chẽ, minh bạch, hiệu quả sử dụng</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					<p>vốn nhà nước, nên quy trình nhiều bước là cần thiết nhằm kiểm soát rủi ro và tránh thất thoát.</p> <p>Hiện nay, Luật Đầu tư công cũng đã tăng cường phân cấp, phân quyền việc phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án. Việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án không hoàn toàn phụ thuộc vào quy trình thực hiện mà còn phụ thuộc vào quyết tâm của chủ đầu tư, cấp có thẩm quyền phê duyệt tại mỗi địa phương.</p>
50.	Chưa có quy định pháp luật	Tại khoản 2 Điều 48 và khoản 2 Điều 51 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo,	Hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025	<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>UBND tỉnh Bắc Ninh</i>.</p>	<p>Pháp luật hiện hành đã có quy định, điều kiện hoạt động, thành phần hồ sơ, trình tự cấp giấy chứng nhận đối với tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và tổ chức thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được quy định cụ thể tại Luật Đo lường, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Nghị định số 105/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung đến Nghị định số 36/2026/NĐ-CP (Bãi bỏ các Điều 48, 49, 50, Phần A Phụ lục v.1 và các Mẫu</p>



STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		chuẩn đo lường; cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa yêu cầu: Tổ chức đăng ký lập 01 bộ hồ sơ đăng ký trong đó có báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (nhưng không quy định việc cơ quan cấp phép có thực hiện hoạt động thẩm định thực tế tại doanh nghiệp trước khi cấp phép hay không). Nếu cơ quan cấp phép không được thẩm định thực tế tại doanh nghiệp mà chỉ xem trên hồ sơ thì sẽ không biết được doanh nghiệp khai báo có đầy đủ cơ sở vật chất kỹ thuật và các điều kiện bắt buộc khác (thuộc nội dung yêu cầu bắt buộc phải có theo quy định tại Điều 8 Nghị định số			số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 11 tại Phụ lục V.1 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.) và Nghị định số 22/2026/NĐ-CP (Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 56 và mục B Phụ lục V.1, Phụ lục V.2 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP). Các văn bản này quy định cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, thẩm tra thành phần, tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ để cấp giấy chứng nhận; đồng thời gắn trách nhiệm của tổ chức đăng ký với cơ chế hậu kiểm, thanh tra, kiểm tra và thu hồi giấy chứng nhận khi phát hiện không bảo đảm điều kiện hoặc có vi phạm. Pháp luật hiện hành không quy định bắt buộc cơ quan cấp phép phải thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp trước khi cấp giấy chứng nhận. Vì vậy, nội dung phản ánh nêu trên thực chất là đề xuất nghiên cứu thay đổi phương thức quản lý từ hậu kiểm sang tăng cường tiền kiểm (sẽ làm tăng thời gian giải quyết, phát sinh chi phí tuân thủ, làm thay đổi định hướng cải cách thủ tục hành

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		105/2016/NĐ-CP nếu không sẽ bị thu hồi giấy phép).			<b>chính đang được thiết kế theo mô hình hậu kiểm</b> ), không phải là trường hợp chưa có quy định của pháp luật.
51.	Chưa có quy định pháp luật	Tại điểm i khoản 11 Điều 2 Thông tư 10/2025/TT-BKHCN ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ khoa học và công nghệ có quy định: “ <i>Tổ chức thực hiện việc thử nghiệm phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của tổ chức, cá nhân về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn</i> ” chưa có quy định cụ thể để thực hiện.	Hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i></li> <li>- Cơ quan kiến nghị/phản ánh (nếu có): <i>UBND tỉnh Bắc Ninh</i>.</li> </ul>	Pháp luật hiện hành đã quy định đầy đủ, còn điểm i khoản 11 Điều 2 Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN là quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nhằm xác định đầu mối có trách nhiệm tổ chức thực hiện trên địa bàn, không phải quy định độc lập để thiết lập toàn bộ trình tự, thủ tục hoạt động thử nghiệm. Việc thực hiện nội dung này đã có căn cứ pháp lý trong Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Pháp luật hiện hành đã quy định về cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; việc lấy mẫu, thử nghiệm phục vụ kiểm tra, khảo sát chất lượng; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tổ chức thử nghiệm

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					đã đăng ký hoạt động. Đối với trường hợp phục vụ quản lý nhà nước mà pháp luật chuyên ngành yêu cầu tổ chức đánh giá sự phù hợp phải được chỉ định, pháp luật cũng đã có cơ chế chỉ định và đánh giá năng lực thực tế. Vì vậy, vướng mắc nêu trên chủ yếu là vấn đề tổ chức thực hiện, phân công đầu mối và bố trí nguồn lực ở địa phương, không phải là trường hợp chưa có quy định của pháp luật.
52.	Chưa có quy định pháp luật	<p>Gói chính sách thực chất cho đầu tư số và phát triển xanh:</p> <p>Cho phép khấu trừ nhanh chi phí đầu vào đối với đầu tư số, cung cấp tín dụng ưu đãi và công nhận phần mềm lõi là tài sản ưu đãi đầu tư.</p> <p>Đối với kinh tế tuần hoàn, cần có danh mục phân loại xanh cho nông nghiệp, tín dụng xanh dài hạn, cơ chế giao dịch tín chỉ carbon nông nghiệp và ưu đãi thuế cho</p>		<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin</i></p>	<p>- <i>Ý kiến của Bộ Công Thương:</i> Kiến nghị nêu trên về định hướng bám sát chủ trương thúc đẩy chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn. Các giải pháp như ưu đãi thuế, tín dụng xanh, thị trường carbon mang tính khuyến khích và phù hợp cơ chế thị trường. Tuy nhiên, nội dung kiến nghị còn chưa đầy đủ căn cứ pháp lý và tiêu chí cụ thể, chưa làm rõ thẩm quyền ban hành. Đồng thời, thiếu đánh giá tác động và nguồn lực thực hiện.</p> <p>- <i>Ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường:</i></p> <p>Không nhất trí với kiến nghị do:</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		điện sinh khối/điện mặt trời tại vùng trồng.			<p>Ngày 04/7/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg về quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, trong đó đã có danh mục phân loại xanh lĩnh vực nông nghiệp.</p> <p>+ Việc khấu trừ nhanh chi phí đầu vào và ưu đãi thuế thuộc quy định của Bộ Tài chính.</p> <p>+ Cơ chế giao dịch tín chỉ các bon hiện đang xây dựng và chuẩn bị thử nghiệm.</p>
53.	Chưa có quy định pháp luật	Kiến nghị Chính phủ: Sớm ban hành một Nghị định riêng về cơ chế đặc thù cho việc phát triển vắc xin và sinh phẩm thú y.		<p>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i></p> <p>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ</i></p>	<p>- Ngày 15/5/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 35/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật thú y; trong đó có quy định về vắc xin và sinh phẩm thú y.</p> <p>- Ngày 21/01/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 32/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.</p> <p>Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã báo cáo Chính phủ và đang tham mưu sửa đổi, bổ sung Luật Thú y</p>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				<i>các nguồn thông tin</i>	để có cơ sở sửa đổi toàn diện các Nghị định về thú y, bao gồm cả các quy định về cơ chế đặc thù cho việc phát triển vắc xin và sinh phẩm thú y. <i>Do đó, Bộ sẽ sửa đổi toàn diện các Nghị định có liên quan sau khi Luật Thú y được sửa đổi, bổ sung.</i>
54.	Chưa có quy định pháp luật	Đột phá về dữ liệu nông nghiệp quốc gia: Ban hành chuẩn dữ liệu vùng trồng quốc gia thống nhất, xây dựng nền tảng dữ liệu dùng chung và cho phép doanh nghiệp kết nối qua giao diện API để kiểm soát, giảm chi phí chuyển đổi số.		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i></li> <li>- Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>Bộ Tư pháp tổng hợp từ các nguồn thông tin</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày 30/9/2025, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ký Quyết định số 4057/QĐ-BNNMT ban hành Quy định kỹ thuật cơ sở dữ liệu lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</li> <li>- Ngày 02/02/2026, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ký Quyết định số 439/QĐ-BNNMT ban hành Kế hoạch triển khai Nền tảng quản lý trồng trọt và bảo vệ thực vật.</li> <li>- Ngày 19/3/2026, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ký Quyết định số 491/QĐ-BNNMT phê duyệt xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật (giai đoạn 1) theo hình thức thử nghiệm sản phẩm công nghệ thông tin chưa có sẵn trên thị trường.</li> </ul>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản, nội dung đề xuất xử lý	Nội dung phản ánh, kiến nghị	Phương án xử lý được đề xuất (nếu có)	Ghi chú	Lý do không thống nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					- Thời gian qua, Bộ đã chỉ đạo Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xây dựng và đến nay đã cơ bản hoàn thành kỹ thuật cơ sở dữ liệu dùng chung lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật và đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia (C12), Bộ Công an.
55.	Tại điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP (Chưa có văn bản hướng dẫn)	Tại điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP quy định “ <i>Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành quy trình kiểm tra chuyên ngành theo yêu cầu quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực.</i> ”. Để việc kiểm tra chuyên ngành khoa học và công nghệ được chặt chẽ, thống nhất, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ sớm ban hành Thông tư quy định về quy trình kiểm tra chuyên ngành khoa học và công nghệ.	Sớm ban hành Thông tư quy định về quy trình kiểm tra chuyên ngành khoa học và công nghệ.	- Bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp nghiên cứu xử lý, tham mưu xử lý: <i>Thanh tra Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Cơ quan kiến nghị/ phản ánh: <i>UBND thành phố Cần Thơ</i>	Không thuộc phạm vi rà soát